

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 513 /UBTVQH14 - PL

V/v rà soát, đề xuất tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2020

Kính gửi:

**ĐOÀN ĐBQH TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 60

Ngày: 13/1/2020

Chuyên: *Đ. Thanh*

Lưu hồ sơ:

- Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội,
- Các Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội,
- Viện Nghiên cứu lập pháp,
- Các Đoàn đại biểu Quốc hội.

*Kế Văn phòng,  
+ Căn cứ các phát biểu của ĐBQH  
tại kỳ họp 8 và*

Tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2019), Quốc hội đã thảo luận, cho ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội (dự án Luật). Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của đa số đại biểu Quốc hội, Quốc hội đã quyết định lùi thời điểm thông qua dự thảo Luật này sang kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2020) để có thêm thời gian nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội để hoàn thiện dự thảo Luật.

*Các tài liệu liên quan, tham mưu Văn ban giữ UBTV & Hội*

Ngay sau kỳ họp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo Ban soạn thảo dự án Luật phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra khẩn trương tổng hợp ý kiến đại biểu Quốc hội, nghiên cứu đề xuất việc tiếp thu ý kiến và chuẩn bị các hội nghị để lấy ý kiến các chuyên gia, cơ quan, tổ chức và đại biểu Quốc hội về dự án Luật.

*- Scan tài liệu này gửi xin ý kiến các ĐBQH tỉnh Đoàn đại biểu Quốc hội*

Để có thêm cơ sở cho việc tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, căn cứ vào các nội dung đã đề xuất trong dự án Luật được Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8, ý kiến của đại biểu Quốc hội, dự kiến tiếp thu, giải trình của Ban soạn thảo và thực tiễn hoạt động của cơ quan, tổ chức, địa phương mình, thực hiện các công việc sau đây:

*Đưa nội dung báo cáo xin ý kiến của Ban soạn thảo lên trang web của Đoàn*

- Tổ chức rà soát toàn bộ các quy định của Luật Tổ chức Quốc hội có liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức mình, phát hiện những vướng mắc, bất cập cần phải sửa đổi, bổ sung trong Luật Tổ chức Quốc hội;
- Trên cơ sở kết quả rà soát, tiến hành đề xuất các nội dung cụ thể cần sửa đổi, bổ sung trong từng chương, điều, khoản của Luật Tổ chức Quốc hội. Với mỗi

nội dung đề xuất, đề nghị nêu rõ lý do và phương án sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Luật.

Để nâng cao chất lượng dự án Luật, đề nghị Hội đồng, các Ủy ban, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy trí tuệ tập thể, đóng góp ý kiến về dự thảo Luật. Văn bản tham gia ý kiến, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung xin gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội (qua Vụ Pháp luật, Văn phòng Quốc hội) **trước ngày 31/01/2020**.

Trong thời gian tới, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ tổ chức các Hội nghị chuyên đề, Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách để lấy ý kiến về các nội dung của dự án Luật này. Đề nghị các cơ quan, Đoàn đại biểu Quốc hội sắp xếp cử đại diện hoặc tạo điều kiện cho thành viên tham dự đầy đủ, đúng thành phần để tăng cường trao đổi, thảo luận, tạo sự nhất trí, đồng thuận cao khi trình Quốc hội xem xét, thông qua dự án Luật tại kỳ họp thứ 9.

*(Kèm theo Công văn này là Báo cáo xin ý kiến về các vấn đề dự kiến tiếp thu, giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội để chỉnh lý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội, Kế hoạch tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và Báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự thảo Luật)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - Chủ tịch Quốc hội (để b/c);
  - Các đồng chí Phó Chủ tịch Quốc hội;
  - Lưu: HC, PL.
- Số e- PAS: 1097

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Uông Chu Lưu*  
**Uông Chu Lưu**

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2020

## BÁO CÁO

### **Xin ý kiến về các vấn đề dự kiến tiếp thu, giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội để chỉnh lý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội**

Tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2019), trên cơ sở Tờ trình của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và hồ sơ dự án Luật, Quốc hội đã thảo luận, cho ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội (sau đây gọi là dự án Luật). Đã có 173 lượt ý kiến đại biểu Quốc hội phát biểu tại Tổ<sup>1</sup>, 22 lượt ý kiến đại biểu Quốc hội phát biểu tại Hội trường và 03 đại biểu Quốc hội tham gia ý kiến bằng văn bản. Về cơ bản, các vị đại biểu Quốc hội đều tán thành với sự cần thiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội nhưng đề nghị lùi thời điểm thông qua dự thảo Luật này sang kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2020) để có thời gian tiếp tục nghiên cứu, rà soát, tổng kết các quy định liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quốc hội<sup>2</sup>. Bên cạnh đó, các vị đại biểu Quốc hội còn góp thêm nhiều ý kiến cụ thể cả về nội dung và kỹ thuật văn bản để hoàn thiện dự thảo Luật.

Ngay sau kỳ họp thứ 8, Ban soạn thảo dự án Luật đã phối hợp với Thường trực Ủy ban Pháp luật nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội để chỉnh lý dự thảo Luật. Ban soạn thảo xin báo cáo một số vấn đề tiếp tục xin ý kiến về dự kiến tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật này như sau:

#### **1. Về phạm vi sửa đổi, bổ sung của dự thảo Luật**

*Đa số ý kiến của đại biểu Quốc hội tán thành với các nội dung đã được đề xuất sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Luật nhưng cũng có các ý kiến cho rằng, phạm vi sửa đổi, bổ sung như dự thảo Luật còn hẹp, chủ yếu tập trung vào cụ thể hóa các nội dung trong Nghị quyết số 18/NQ-TW mà chưa khắc phục được những hạn chế, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật thời gian qua. Các ý kiến này đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung thêm một số quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan của Quốc hội, làm*

<sup>1</sup> Tính số lượt đại biểu Quốc hội phát biểu ý kiến cho cả 02 nội dung: dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm không tổ chức HĐND phường tại thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2021 – 2026.

<sup>2</sup> Có 404/410/483 (bằng 98,54%) đại biểu Quốc hội tham gia ý kiến (chiếm 83,64% tổng số đại biểu Quốc hội) tán thành đề nghị lùi thời điểm thông qua dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội sang kỳ họp thứ 9 (tháng 5 năm 2020) theo trình tự xem xét, thông qua tại hai kỳ họp.

rõ địa vị pháp lý, vai trò của đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và Đoàn đại biểu Quốc hội, kiện toàn bộ máy của Quốc hội theo hướng nâng các Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành các cơ quan thuộc Quốc hội,...

Ban soạn thảo xin báo cáo như sau: Do Luật Tổ chức Quốc hội mới được ban hành và triển khai thực hiện được gần 04 năm và với yêu cầu cụ thể là tập trung sửa đổi, bổ sung một số điều nhằm thể chế hóa kịp thời chủ trương của Đảng về tổ chức và hoạt động của Quốc hội<sup>3</sup> nên dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8 có phạm vi sửa đổi như đã trình, chủ yếu tập trung vào những vấn đề đã có chỉ đạo rõ, những vấn đề đã chín muồi, có sự đồng thuận, thống nhất cao. Trong quá trình thảo luận tại Quốc hội, nhiều đại biểu Quốc hội đã phân tích, nêu vấn đề và đề nghị cần nghiên cứu bổ sung thêm nhiều nội dung nữa. Các ý kiến tập trung vào các nhóm vấn đề như:

+ Rà soát, bổ sung các quy định để không chỉ tinh gọn mà còn nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội;

+ Làm rõ vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội, đặc biệt là các đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở địa phương;

+ Làm rõ địa vị pháp lý của Đoàn đại biểu Quốc hội và bộ máy tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương;

+ Rà soát để sửa đổi, bổ sung tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn và xác định rõ cơ cấu thành viên, số lượng cấp phó của Hội đồng Dân tộc và từng Ủy ban của Quốc hội;

+ Xác định rõ địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở đề xuất của các cơ quan có liên quan để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

+ Rà soát các quy định về bảo đảm điều kiện bảo đảm cho tổ chức và hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội.

Những ý kiến nêu trên của đại biểu Quốc hội là những định hướng lớn, rất xác đáng, cần được nghiên cứu để tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo Luật. Tuy nhiên, để có cơ sở cho việc hoàn thiện dự thảo Luật, cùng với việc nghiên cứu của Ban soạn thảo và Thường trực Ủy ban Pháp luật, kính đề nghị các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và các vị đại biểu Quốc hội tiếp tục chủ động nghiên cứu, đề xuất các nội dung cụ thể cần được sửa đổi, bổ sung trong từng chương, điều, khoản của Luật Tổ chức Quốc hội

<sup>3</sup> Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Kế hoạch số 735-KH/ĐĐQH14 ngày 18/01/2018 của Đảng đoàn Quốc hội.

Yêu cầu và phạm vi sửa đổi, bổ sung Luật đã được nêu cụ thể trong Đề nghị xây dựng dự án Luật và đã được UBTVQH chấp thuận khi xem xét, quyết định điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019.

gắn với những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Luật thời gian qua tại cơ quan, tổ chức, địa phương mình hoặc của cá nhân từng vị đại biểu Quốc hội.

## **2. Về đại biểu Quốc hội**

### **a) Về vị trí, vai trò, tiêu chuẩn và cơ cấu đại biểu Quốc hội**

*- Có ý kiến đề nghị cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Tổ chức Quốc hội để nâng cao hơn nữa vị trí, vai trò của đại biểu, các cơ chế, chính sách và điều kiện bảo đảm cho hoạt động của đại biểu Quốc hội; bổ sung, làm rõ quy định về tiêu chuẩn đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Giảm đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm công tác tại các cơ quan hành pháp, tư pháp; chỉ nên cơ cấu đại biểu Quốc hội trên cơ sở các tiêu chí về giới tính, dân tộc, tôn giáo, độ tuổi mà không nên dựa trên cơ cấu ngành, nghề; đồng thời cần có chính sách thu hút các đồng chí nguyên là cán bộ, công chức, viên chức có kinh nghiệm công tác lâu năm, có năng lực, trí tuệ, tuy đã đến tuổi nghỉ hưu hoặc đã nghỉ hưu nhưng còn đủ điều kiện về sức khỏe tham gia làm đại biểu Quốc hội.*

Về vấn đề này, Ban soạn thảo nhận thấy hiện tại Luật Tổ chức Quốc hội đã dành cả 01 chương gồm 23 điều để quy định về vị trí, vai trò, tiêu chuẩn, số lượng, nhiệm vụ, quyền hạn và các cơ chế, điều kiện cần thiết để bảo đảm cho hoạt động của đại biểu Quốc hội. Các nội dung này đã được quy định trên cơ sở thực tiễn hoạt động của Quốc hội các nhiệm kỳ qua, pháp điển nhiều quy định trong Quy chế hoạt động của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội năm 2003; nhiều nội dung đã được cụ thể hóa rõ hơn so với các quy định của Luật trước đây, làm cơ sở cho việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội thời gian qua. Tuy nhiên, trong số này cũng có một số quy định chưa được thực hiện một cách đầy đủ trong thực tế như thời gian hoạt động của đại biểu Quốc hội, trách nhiệm tham gia các hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, quyền tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân, các quyền kiến nghị, quyền yêu cầu của đại biểu Quốc hội, việc bãi nhiệm đại biểu Quốc hội...

Về điều kiện bảo đảm cho hoạt động của đại biểu Quốc hội, cùng với Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 và một số văn bản đã được ban hành và thực hiện từ các nhiệm kỳ trước, trên cơ sở quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14 quy định bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Quốc hội (như chế độ nghiên cứu tài liệu, thuê chuyên gia, khoán thư ký, trang thiết bị sử dụng),... Trong bối cảnh ngân sách nhà nước có hạn và trong mối tương quan với điều kiện bảo đảm của các cán bộ, công chức khác trong hệ thống chính trị thì những chế độ nêu trên đã thể hiện sự chăm lo ngày càng tốt hơn cho hoạt động của đại biểu Quốc hội. Nếu các quy định của Luật được thực hiện một cách đầy đủ, nghiêm túc thì hiệu quả hoạt động của Quốc hội nói chung và của từng đại biểu Quốc hội nói riêng cũng sẽ được tăng cường một cách đáng kể. Tuy nhiên, vẫn có ý kiến đề nghị cần tăng cường hơn nữa các điều kiện bảo đảm cho đại biểu Quốc hội để nâng cao vị thế của đại biểu, cần xây dựng thang bảng lương riêng

cho đại biểu Quốc hội, mức lương khởi điểm tương đương với lương của Thứ trưởng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, đại biểu giữ chức vụ khác nhau trong các cơ quan của Quốc hội thì được hưởng thêm hệ số phụ cấp tương ứng.

Cùng với việc quy định tiêu chuẩn của người ứng cử đại biểu Quốc hội, có ý kiến đề nghị bổ sung tiêu chuẩn, yêu cầu đối với việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội để làm cơ sở đánh giá chất lượng đại biểu. Chẳng hạn như: khả năng nghiên cứu, phát biểu thảo luận, tranh luận trước Quốc hội; năng lực giám sát, chất vấn, biểu đạt ý kiến, nguyện vọng của nhân dân trước diễn đàn Quốc hội; việc tham gia các hoạt động do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội tổ chức,... Đại biểu nào không đáp ứng được các tiêu chuẩn, yêu cầu nêu trên thì có thể bị Quốc hội hoặc cử tri miễn nhiệm, bãi miễn. Đồng thời, đề nghị không tính đến tiêu chuẩn về độ tuổi khi ứng cử đại biểu Quốc hội để thu hút các đồng chí nguyên là cán bộ, công chức, viên chức có kinh nghiệm công tác lâu năm, có năng lực, trí tuệ, tuy đã đến tuổi nghỉ hưu hoặc đã nghỉ hưu nhưng còn đủ điều kiện về sức khỏe tham gia làm đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách.

Về cơ cấu của đại biểu Quốc hội, Ban soạn thảo thấy rằng, hiện tại, căn cứ vào các quy định của Luật, khi giới thiệu người ứng cử làm đại biểu Quốc hội, các cơ quan, tổ chức còn phải căn cứ, cân nhắc nhiều yếu tố cụ thể khác theo chỉ đạo, quy định của các cấp có thẩm quyền để bảo đảm các yêu cầu về tính đại diện, về năng lực, trình độ, khả năng đóng góp, cống hiến cho hoạt động của Quốc hội... Hiện trong Nghị quyết số 18-NQ/TW đã nêu rất cụ thể yêu cầu về việc giảm hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm công tác ở các cơ quan hành pháp, tăng đại biểu Quốc hội ở khối Đảng, Mặt trận, đoàn thể để đại biểu Quốc hội chuyên tâm chăm lo, cống hiến cho hoạt động của Quốc hội. Nội dung này cùng các nội dung đại biểu đã góp ý sẽ được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghiên cứu, cân nhắc để cụ thể hóa trong Đề án bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và xin phép không bổ sung vào các quy định của Luật.

Để có cơ sở cho việc tiếp thu, chỉnh lý quy định về các vấn đề nêu trên, trân trọng đề nghị các vị đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, căn cứ vào thực tiễn hoạt động Quốc hội, tham gia thêm ý kiến, tiếp tục đề xuất cụ thể các nội dung cần sửa đổi, bổ sung liên quan đến quyền hạn, nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội, việc bảo đảm điều kiện hoạt động của đại biểu hoặc các biện pháp để tổ chức thực hiện có hiệu quả hơn các quy định của Luật Tổ chức Quốc hội để Ban soạn thảo có cơ sở nghiên cứu, tiếp thu hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền tổ chức thực hiện tốt hơn các quy định hiện có của Luật.

#### ***b) Về tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách***

Về vấn đề này, qua thảo luận vẫn còn có ý kiến khác nhau như sau:

- Nhiều ý kiến tán thành quy định về tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ít nhất là 35% trong tổng số đại biểu Quốc hội như Luật Tổ chức Quốc hội hiện hành.

- Một số ý kiến đề nghị sửa quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật Tổ chức Quốc hội theo hướng nâng tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách lên mức cao hơn 35%, có thể là 37%, 40%, 45%, 50%, 60% hoặc ít nhất 50% tiến đến 100%.

Trên cơ sở nghiên cứu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Ban soạn thảo xin đề xuất các phương án để tiếp tục thảo luận, xin ý kiến như sau:

**Phương án 1:** Giữ quy định về tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ít nhất là 35% tổng số đại biểu Quốc hội (tương đương khoảng 175 đại biểu) như Luật Tổ chức Quốc hội hiện hành.

**Phương án 2:** Quy định tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ít nhất là 37% tổng số đại biểu Quốc hội (tương đương khoảng 185 đại biểu).

**Phương án 3:** Quy định tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ít nhất là 40% tổng số đại biểu Quốc hội (tương đương khoảng 200 đại biểu).

Ưu điểm của phương án 1 là bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với khả năng sắp xếp bố trí nhân sự và tình hình thực tiễn hiện nay.<sup>4</sup> Quy định như Luật hiện hành cũng không hạn chế việc tăng số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách trong các nhiệm kỳ tới. Tùy theo khả năng sắp xếp, bố trí nhân sự và cơ cấu tổ chức, yêu cầu công việc đối với từng nhiệm kỳ mà cấp có thẩm quyền sẽ quyết định số lượng, tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách phù hợp.

Phương án 2 và phương án 3 có ưu điểm là với việc đặt ra chỉ tiêu và mức tối thiểu cao hơn sẽ tạo ra áp lực để các cơ quan có liên quan có cơ sở quy hoạch, bố trí cán bộ, từ đó góp phần tăng được số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, nâng cao tính chuyên nghiệp, qua đó góp phần quan trọng cho việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội. Tuy nhiên, nếu sửa đổi Luật theo hướng tăng tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách lên mức cao hơn trong khi các tiêu chuẩn, yêu cầu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách cao và chưa tính toán kỹ về nguồn nhân sự đầu vào thì sẽ khó khả thi, ảnh hưởng đến hiệu lực của Luật.

Ngoài 03 phương án nêu trên, vẫn có ý kiến đề nghị nghiên cứu giảm số lượng đại biểu Quốc hội từ 500 người xuống còn 250 người để dần tiến tới Quốc hội hoạt động chuyên nghiệp. Theo đó, trong tổng số 250 đại biểu Quốc hội, có 200 đại biểu hoạt động chuyên trách, 50 đại biểu hoạt động kiêm nhiệm

<sup>4</sup> Hiện tại, tuy Luật đã quy định rõ tối thiểu 35% tổng số đại biểu Quốc hội là đại biểu hoạt động chuyên trách nhưng trên thực tế, mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc quy hoạch, chuẩn bị nguồn nhân sự từ sớm song con số này đến nay vẫn chưa đạt được.

+ Quốc hội khóa IX có 37 đại biểu hoạt động chuyên trách (chiếm 9,44% tổng số đại biểu Quốc hội);  
 + Quốc hội khóa X có 45 đại biểu hoạt động chuyên trách (chiếm 10% tổng số đại biểu Quốc hội);  
 + Quốc hội khóa XI đã có nhiều đổi mới cả về tổ chức và hoạt động nhưng cũng chỉ có 121 đại biểu chuyên trách (chiếm 24,3% tổng số đại biểu Quốc hội);  
 + Quốc hội khóa XII có 145 đại biểu chuyên trách (chiếm 29,4% tổng số đại biểu Quốc hội);  
 + Quốc hội khóa XIII có 164 đại biểu chuyên trách (chiếm 32,8% tổng số đại biểu Quốc hội).  
 + Quốc hội khóa XIV hiện nay có 167 đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách trong tổng số 484 đại biểu Quốc hội (chiếm 34,5% tổng số đại biểu Quốc hội).

là những người công tác trong các cơ quan của Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội; không cơ cấu đại biểu Quốc hội làm việc trong các cơ quan hành pháp, tư pháp.

### **3. Về Đoàn đại biểu Quốc hội**

*a) Về địa vị pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn đại biểu Quốc hội (khoản 1 Điều 43):*

*- Nhiều ý kiến đại biểu Quốc hội đề nghị làm rõ địa vị pháp lý, vai trò của Đoàn đại biểu Quốc hội trong hệ thống chính trị ở địa phương vì đây là một cơ cấu của Quốc hội, là cánh tay nối dài của Quốc hội ở địa phương.*

Ban soạn thảo thấy rằng, vấn đề địa vị pháp lý và vai trò của Đoàn đại biểu Quốc hội luôn được các vị đại biểu Quốc hội các khóa quan tâm, thảo luận và nêu nhiều phương án tại mỗi lần sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Quốc hội. Theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001 thì Đoàn đại biểu Quốc hội là hình thức tổ chức để các đại biểu Quốc hội trong Đoàn thực hiện các nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội và nhiệm vụ của Đoàn đại biểu Quốc hội. Đến năm 2014, khi thảo luận, xem xét thông qua Luật Tổ chức Quốc hội thay thế cho Luật năm 2001, Quốc hội thống nhất quy định Đoàn đại biểu Quốc hội là tổ chức của các đại biểu Quốc hội được bầu tại một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc được chuyển đến công tác tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Bên cạnh các quy định trong Luật Tổ chức Quốc hội, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn còn được quy định trong Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tiếp công dân và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác.

Với các quy định này, các Đoàn đại biểu Quốc hội đã và đang phát huy vai trò và đạt được nhiều kết quả đáng trân trọng, hỗ trợ tích cực cho đại biểu Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ của đại biểu dân cử nhất là trong điều kiện tỷ lệ đại biểu kiêm nhiệm vẫn còn cao như hiện nay. Đoàn đại biểu Quốc hội có con dấu, được bố trí trụ sở làm việc, có bộ máy giúp việc và được cấp ngân sách đầy đủ để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ theo Luật định; đồng chí Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách đều thuộc cơ cấu của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy.

Để tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu quả, vai trò của Đoàn đại biểu Quốc hội, đề nghị các Đoàn đại biểu Quốc hội tiếp tục rà soát, kiến nghị các nội dung cụ thể cần sửa đổi, bổ sung trong Luật Tổ chức Quốc hội liên quan đến địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, điều kiện bảo đảm hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội. Trong quá trình thảo luận, đề nghị các vị đại biểu Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội lưu ý về tính chất hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội. Đoàn không phải là cơ quan hoạt động chuyên trách, mà là tổ chức tập hợp của các đại biểu Quốc hội được bầu hoặc sinh hoạt tại cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (phần lớn các Đoàn chỉ có 01 đại biểu hoạt động thường xuyên, chuyên trách giữ vai trò Phó Trưởng Đoàn, chịu trách nhiệm chính trong việc dự kiến kế hoạch hoạt động, tổ chức triển khai và thông báo để các đạo biểu trong Đoàn tham gia



thực hiện). Vai trò của Đoàn đại biểu Quốc hội vừa tổ chức, tạo điều kiện cho các đại biểu Quốc hội thực hiện nhiệm vụ đại biểu tại địa phương (và một số nội dung hoạt động trong kỳ họp Quốc hội), đồng thời giúp duy trì mối quan hệ gắn kết nhằm tập hợp kiến nghị, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của cả chính quyền và cử tri địa phương đến với Quốc hội. Do đó, Đoàn đại biểu Quốc hội cần gắn bó chặt chẽ với chính quyền địa phương nhưng không nên đặt vấn đề theo hướng Đoàn đại biểu Quốc hội phải độc lập hoàn toàn hay phải tham gia trực tiếp vào các công việc của chính quyền địa phương vì mỗi cấp chính quyền có nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động khác nhau. Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương có một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể do Luật định nhưng chủ yếu là nơi tổ chức, điều phối, giữ mối quan hệ hoạt động của các đại biểu Quốc hội ở địa phương với Quốc hội. Do đó, cần phải đề cao vị trí, vai trò trung tâm của đại biểu Quốc hội trong hoạt động của Quốc hội.

***b) Về Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội (khoản 3 Điều 43):***

*- Một số ý kiến đề nghị làm rõ tiêu chuẩn, địa vị pháp lý của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở địa phương.*

Về vấn đề này, Ban soạn thảo thấy rằng, các quy định hiện tại về công tác cán bộ đã xác định tiêu chuẩn cụ thể để bầu và phê chuẩn làm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội; trong đó có các tiêu chuẩn gắn với chức danh trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy ở địa phương. Về nguyên tắc, các đồng chí là lãnh đạo chủ chốt tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là đại biểu Quốc hội thì đảm nhiệm chức danh Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội; các đồng chí đảm nhiệm chức danh Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội phải là tỉnh ủy viên; đối với những tỉnh, thành phố được bố trí 02 Phó Trưởng đoàn thì ít nhất phải có 01 đồng chí đáp ứng yêu cầu nêu trên<sup>5</sup>. Mặt khác, nhiệm vụ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn chủ yếu là tổ chức và điều hành hoạt động chung của Đoàn đại biểu Quốc hội, không phải là người đại diện cho các đại biểu Quốc hội trong Đoàn. Đoàn đại biểu Quốc hội không phải là tổ chức hành chính hoạt động theo nguyên tắc thủ trưởng. Vì vậy, đề nghị không quy định cụ thể tiêu chuẩn của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội cũng như các chức danh khác trong các cơ quan của Quốc hội trong Luật.

Về địa vị pháp lý của đại biểu hoạt động chuyên trách tại các Đoàn đại biểu Quốc hội, hiện nay phần lớn các Đoàn đang bố trí đồng chí Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội là đại biểu hoạt động chuyên trách tại địa phương. Cá biệt có địa phương bố trí đồng chí Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội là đại biểu hoạt động chuyên trách (như Quảng Ninh). Có 04 Đoàn đang được bố trí 02 đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa và Nghệ An, trong đó có 02 đoàn bố trí 02 Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội hoạt

<sup>5</sup> Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW ngày 31/10/2016 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

động chuyên trách (TP HCM và Nghệ An), 01 đoàn bố trí 01 Phó Trưởng Đoàn hoạt động chuyên trách, 01 Phó Trưởng Đoàn kiêm nhiệm (TP Hà Nội) và 01 đoàn bố trí 01 Phó Trưởng Đoàn hoạt động chuyên trách cùng 01 đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách không giữ chức danh nào trong Đoàn (Thanh Hóa). Hiện cũng chưa có tổng kết, đánh giá cụ thể của các Đoàn xem mô hình nào là phù hợp và việc phân công công việc giữa Trưởng Đoàn và Phó Trưởng Đoàn cũng như giữa các đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại cùng một Đoàn như thế nào cho hợp lý. Do đó, để có cơ sở xem xét, đề xuất việc tăng thêm số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại các Đoàn đại biểu Quốc hội, đề nghị các vị đại biểu Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội thảo luận, cho ý kiến về mô hình tổ chức của Đoàn đại biểu Quốc hội, việc phân công trách nhiệm của Trưởng Đoàn, Phó Trưởng đoàn và thành viên trong đoàn; đối với các chức danh là đại biểu hoạt động chuyên trách thì đề nghị xác định cụ thể yêu cầu của vị trí việc làm và nội dung mô tả công việc từ kinh nghiệm của Đoàn mình để đáp ứng yêu cầu sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp theo vị trí việc làm và khung năng lực gắn với cải cách chính sách tiền lương đã được nêu trong Nghị quyết số 26-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

Nhằm tăng thêm vị thế và tầm ảnh hưởng đối với chức danh này, có ý kiến đại biểu Quốc hội đề nghị quy định ngay trong Luật Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm Phó Chủ tịch HĐND cấp tỉnh. Ưu điểm của phương án này là góp phần thực hiện chủ trương thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh để tinh gọn đầu mối như đã được nêu trong Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), qua đó tăng mối quan hệ gắn kết, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cả Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Tuy nhiên, hạn chế của phương án nói trên là sẽ khó sắp xếp, bố trí cán bộ phù hợp với cả 02 vị trí Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân vì đồng chí này đồng thời phải được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (cho cả nhiệm kỳ 05 năm) và là tỉnh ủy viên trở lên. Trong trường hợp cần điều động, luân chuyển, bổ sung cán bộ trong thời gian giữa nhiệm kỳ thì sẽ càng khó tìm kiếm được người thay thế đáp ứng đủ các cơ cấu nêu trên. Trên thực tế, vẫn có thể bố trí chức danh kiêm nhiệm như trên theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền mà không cần phải sửa đổi, bổ sung Luật. Tuy nhiên, nếu kiêm nhiệm cả 02 chức danh thì khối lượng công việc cần phụ trách sẽ rất lớn và không còn bảo đảm tính chất hoạt động chuyên trách đối với vị trí công tác này.<sup>6</sup>

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ thẩm quyền phân loại, đánh giá đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở địa phương; làm rõ đại biểu Quốc hội chuyên trách là do Trung ương hay địa phương quản lý; có cơ chế phối hợp giữa*

<sup>6</sup> Khoản 1 Điều 24 của Luật Tổ chức Quốc hội quy định đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách dành toàn bộ thời gian làm việc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu tại cơ quan của Quốc hội hoặc tại Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương. Mặt khác, theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cũng là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

*cơ quan quản lý cán bộ ở địa phương với cơ quan theo dõi, quản lý đại biểu Quốc hội chuyên trách,...*

Ban soạn thảo nhận thấy, hiện tại, việc phân cấp quản lý đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại địa phương đang được thực hiện theo Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo đó, các Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy chịu trách nhiệm tuyển chọn, đánh giá, phân loại cán bộ hằng năm, bố trí, phân công công tác khác nếu không tái cử; giới thiệu ứng cử; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, quyết định nghỉ hưu, thực hiện chính sách và các công việc khác có liên quan đến công tác cán bộ đối với Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố (hoạt động chuyên trách); trước khi điều động, luân chuyển, bố trí công việc khác đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, thì phải báo cáo xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quy định nêu trên hiện đang thực hiện tốt và phát huy tác dụng, thể hiện sự gắn kết giữa đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách với cấp ủy địa phương. Vì vậy, nếu đại biểu Quốc hội thấy cần thiết thì xin phép được rà soát để bổ sung quy định từ các văn bản nêu trên vào dự thảo Luật.

***c) Về bộ máy giúp việc của Đoàn đại biểu Quốc hội (khoản 4 Điều 43):***

*- Một số ý kiến tán thành với quy định của dự thảo Luật về bộ máy giúp việc của Đoàn đại biểu Quốc hội, một số ý kiến đề nghị cần tổng kết, đánh giá việc thực hiện thí điểm chủ trương hợp nhất 03 Văn phòng tại 12 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước khi quyết định việc nhập 02 hay 03 Văn phòng thành một Văn phòng tham mưu, giúp việc chung.*

Vấn đề này hiện đang được Chính phủ và các địa phương tiến hành tổng kết để báo cáo với Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Vì vậy, Ban soạn thảo sẽ cùng Thường trực Ủy ban Pháp luật tiếp tục nghiên cứu và căn cứ vào kết quả tổng kết để đề xuất việc tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo Luật cho phù hợp.

***d) Về kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội (khoản 4 Điều 43, điểm d khoản 1 Điều 99 và Điều 101):***

*Về vấn đề này, qua thảo luận còn có các loại ý kiến khác nhau như sau:*

*Loại ý kiến thứ nhất* tán thành quy định về kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội như dự thảo Luật nhưng đề nghị giải trình, làm rõ một số nội dung về việc thực hiện chi trả.

*Loại ý kiến thứ hai* cho rằng, để nâng cao chất lượng hoạt động của đại biểu Quốc hội, bảo đảm đại biểu Quốc hội không bị lệ thuộc vào địa phương, đề nghị quy định kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội do ngân sách trung ương đảm bảo, còn kinh phí phục vụ hoạt động của bộ máy giúp việc cho Đoàn đại biểu Quốc hội do ngân sách địa phương bảo đảm.

*Loại ý kiến thứ ba* đề nghị quy định kinh phí phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội và bộ phận tham mưu, giúp việc Đoàn đại biểu Quốc hội đều do ngân sách trung ương bảo đảm.

Về vấn đề này, Ban soạn thảo thấy rằng, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội phải được bảo đảm các điều kiện cần thiết để có thể thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn được giao, trong đó kinh phí để tổ chức các hoạt động phải được bảo đảm từ ngân sách nhà nước bất kể là từ nguồn do Trung ương hay địa phương quản lý. Thực tế các phương án về bảo đảm kinh phí như đã báo cáo trong Tờ trình của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật hay phương án do đại biểu Quốc hội đề xuất đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Mong muốn của Ban soạn thảo là tìm ra phương án xử lý vấn đề kinh phí của Đoàn đại biểu Quốc hội có ít hạn chế, bất cập nhất, thuận tiện trong công tác triển khai thực hiện và phù hợp với yêu cầu, thực tiễn quản lý của bộ máy nhà nước ta hiện nay. Do đó, đối với kinh phí chi cho bộ máy giúp việc của Đoàn, nếu bộ máy giúp việc được tổ chức theo phương án hợp nhất 02 hay 03 văn phòng và được chuyển cho địa phương quản lý thì kinh phí này do ngân sách địa phương bảo đảm là phù hợp, tránh việc có nhiều chế độ, nhiều nguồn kinh phí trong 01 cơ quan, khó cho công tác quản lý, kiểm soát chung. Đây cũng là nội dung được đa số các vị đại biểu Quốc hội tán thành. Đối với các chế độ đặc thù của đại biểu Quốc hội gắn trực tiếp với từng đại biểu (như hoạt động phí, kinh phí thuê khoán chuyên gia, thư ký giúp việc, tiền khoán hợp hoặc các chế độ khi tham gia các kỳ họp Quốc hội, các hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội...) thì Văn phòng Quốc hội có thể trực tiếp chi trả, thanh toán cho đại biểu.

Ý kiến khác nhau chủ yếu tập trung vào cách thức và nguồn kinh phí để bảo đảm chế độ lương cho đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn và kinh phí để tổ chức các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tại địa phương (như tổ chức tiếp xúc cử tri, lấy ý kiến về các dự án, dự thảo, đề án được trình Quốc hội, tổ chức các hoạt động giám sát của Đoàn...). Ban soạn thảo nhận thấy, việc trả lương cho đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại các Đoàn, dù là do ngân sách trung ương hay ngân sách địa phương chi trả thì cũng không có gì vướng mắc về cách thức thực hiện. Tuy nhiên, theo nguyên tắc quản lý cán bộ thì việc quản lý biên chế luôn gắn với quỹ lương của cơ quan, đơn vị; nếu xác định đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách thuộc biên chế trung ương thì lương do ngân sách trung ương bảo đảm là hợp lý, còn nếu gắn với biên chế địa phương thì ngân sách địa phương phải bảo đảm. Theo Quy định số 105-QĐ/TW của Bộ Chính trị thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy chịu trách nhiệm thực hiện chính sách đối với Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội. Do đó, để thống nhất về đầu mối quản lý công tác cán bộ, dự thảo Luật trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8 mới quy định theo hướng lương của đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm.

Căn cứ vào ý kiến thảo luận của đại biểu Quốc hội, Ban soạn thảo xin thể hiện lại thành 02 phương án như sau để tiếp tục thảo luận, xin ý kiến:

**Phương án 1:** Quy định lương, phụ cấp và các chế độ khác của đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở địa phương và kinh phí hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, hoạt động phí, thù lao tham gia hoạt động Quốc hội, các khoản phụ cấp và các chế độ của đại biểu Quốc hội gắn với hoạt động của Quốc hội và chi phí cho đại biểu Quốc hội khi tham gia các hoạt động do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội do ngân sách trung ương bảo đảm (*tương tự quy định tại Nghị quyết 353/2017/UBTVQH14*); ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho hoạt động và trả lương cho công chức thuộc bộ máy tham mưu giúp việc Đoàn đại biểu Quốc hội (*để phù hợp với việc hợp nhất văn phòng giúp việc tại địa phương*).

**Phương án 2:** Quy định lương của đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại địa phương, kinh phí hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, của bộ phận tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tại địa phương được ngân sách cấp tỉnh bảo đảm theo phân bổ dự toán của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; hoạt động phí, thù lao tham gia hoạt động Quốc hội, các khoản phụ cấp và các chế độ của đại biểu Quốc hội gắn với hoạt động của Quốc hội và chi phí cho đại biểu Quốc hội khi tham gia các hoạt động do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội tổ chức do ngân sách trung ương bảo đảm (*nghư dự thảo Luật trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8*).

Ưu điểm của phương án 2 là gắn việc bảo đảm lương, chế độ, chính sách của đại biểu hoạt động chuyên trách với phân cấp về quản lý cán bộ hiện nay; thuận lợi trong việc thống nhất đầu mối chi đối với các nhiệm vụ của Đoàn đại biểu Quốc hội phát sinh ở địa phương; nâng cao tính minh bạch và cơ chế kiểm soát quyền lực trong hoạt động của Quốc hội. Hạn chế là khả năng cân đối, bảo đảm ngân sách của từng địa phương còn có sự chênh lệch nên có thể dẫn đến thiếu sự thống nhất trong chế độ và việc quản lý ngân sách của các Đoàn đại biểu Quốc hội; ngân sách hoạt động của một số Đoàn có thể không được bảo đảm đầy đủ, kịp thời làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động; chưa phù hợp với nguyên tắc phân cấp về quản lý nhiệm vụ chi quy định trong Luật Ngân sách nhà nước.<sup>7</sup>

Phương án 1 có ưu điểm là phù hợp về nguyên lý hoạt động và đang thực hiện ổn định. Hạn chế của Phương án này là sẽ tạo ra khó khăn khi bộ phận giúp việc phải phân tách và xử lý các khoản chi từ các nguồn ngân sách khác nhau đối với hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội và bộ máy giúp việc tại địa phương (duy trì cơ chế 02 tài khoản như trước khi chuyển Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội về Văn phòng Quốc hội), phát sinh thêm thủ tục trong công tác quản lý, tổ chức thanh quyết toán, dễ dẫn đến chi trùng và khó khăn trong kiểm soát việc thực hiện chi.

#### **4. Về Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

- Về cơ bản, các vị đại biểu Quốc hội đều tán thành với những nội dung sửa đổi, bổ sung liên quan đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong dự thảo Luật.

<sup>7</sup> Khoản 9 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước quy định: "Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác ...".

*Ngoài ra, có ý kiến đề nghị nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội như giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội thẩm quyền quyết định một số vấn đề cần thiết, cấp bách phát sinh giữa hai kỳ họp Quốc hội; bổ sung thẩm quyền giải thích nghị quyết của Quốc hội; bổ sung thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều luật đơn giản, ...*

Ban soạn thảo thấy rằng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được quy định trong Hiến pháp. Luật Tổ chức Quốc hội và một số luật khác cụ thể hóa các nhiệm vụ, quyền hạn nói trên và bổ sung một số nhiệm vụ cụ thể khác mà Hiến pháp chưa đề cập (ví dụ như trong lĩnh vực ngân sách, đầu tư công, quy định cụ thể về tổ chức bộ máy bên trong của một số cơ quan...). Do đó, những nhiệm vụ, quyền hạn có thể điều chỉnh, bổ sung trong Luật trước hết phải bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp. Những nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội thì không thể giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội được.

Trong quá trình Quốc hội xem xét, thảo luận về dự án Luật Tổ chức Quốc hội (sửa đổi) năm 2014, cũng có ý kiến đề nghị tăng cường tính chuyên trách, thường xuyên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, theo đó, đề nghị cân nhắc đề quy định không phải tất cả các Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội mà chỉ một tỷ lệ nhất định trong số này là thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, phù hợp với tính chất công việc và bảo đảm hiệu quả hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng như bản thân Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Cần cụ thể hóa hơn nữa trong Luật về vai trò chỉ đạo, điều hòa, phối hợp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; phân định cụ thể hơn nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan này để tạo sự chủ động cho Hội đồng, Ủy ban; xác định rõ hơn phạm vi giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội để tránh trùng lặp trong hoạt động.

Với mục đích nâng cao hơn nữa vai trò, hiệu quả hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban soạn thảo trân trọng đề nghị các vị đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội góp thêm ý kiến cụ thể vào các điều, khoản về nội dung này để có cơ sở cho việc tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật.

## **5. Về Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội**

**a) Về số lượng, tên gọi, lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội:**

*Trong thảo luận, có ý kiến đề nghị xem xét về số lượng các Ủy ban hiện có, nên tăng thêm các Ủy ban và phân định lại lĩnh vực phụ trách để tương ứng với các Bộ, ngành của Chính phủ; đề nghị không quy định cứng số lượng các Ủy ban trong Luật Tổ chức Quốc hội mà do Quốc hội xem xét, quyết định trong từng thời kỳ căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ (tương tự như cơ cấu các Bộ của Chính phủ); đề nghị đổi tên Hội đồng Dân tộc thành Ủy ban Dân tộc, sửa đổi tên gọi của một số Ủy ban có tên còn dài, khó nhớ hoặc chưa phản ánh đầy đủ lĩnh vực phụ trách (như Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng, Ủy ban về các vấn đề Xã hội...).*

Về vấn đề này, Ban soạn thảo nhận thấy, theo Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và nhất là trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thì chưa nên đặt vấn đề chia tách hay thành lập mới các Ủy ban của Quốc hội. Đối với lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban, trong lần sửa đổi năm 2014, Quốc hội đã có sự cụ thể hóa và điều chỉnh nhất định đối với các nội dung này. Hiện lĩnh vực, phạm vi hoạt động của Hội đồng, các Ủy ban đang được thực hiện tương đối ổn định; đối với một số nội dung liên ngành cần có sự phối hợp của nhiều cơ quan thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội đều kịp thời tiến hành điều hòa, phân công cụ thể. Do vậy, về tên gọi và lĩnh vực phụ trách, trân trọng đề nghị Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội thảo luận, nếu thấy vẫn còn vấn đề vướng mắc, bất cập thì đề xuất cụ thể việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối với các quy định của Luật hiện hành để có cơ sở cho việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật.

***b) Về cơ cấu tổ chức của Hội đồng, Ủy ban của Quốc hội:***

*- Đa số các ý kiến nhất trí với việc cần đơn giản hóa các chức danh trong Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội. Về cơ cấu của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban, nhiều ý kiến đề nghị giữ lại chức danh Ủy viên Thường trực để thể hiện tốt hơn vai trò, vị thế của đại biểu, thuận tiện trong quá trình công tác. Một số ý kiến đề nghị giữ lại cơ cấu tổ chức Hội đồng, Ủy ban như hiện hành.*

Ban soạn thảo thấy rằng, hiện tại trong Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội đang có 03 loại chức danh gồm Chủ tịch/Chủ nhiệm, Phó Chủ tịch/Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Thường trực. Ngoài ra, cũng làm việc thường xuyên tại các cơ quan của Quốc hội còn có Ủy viên Chuyên trách tại Hội đồng, Ủy ban (chức danh này theo Luật Tổ chức Quốc hội không thuộc thành phần của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban, thực hiện nhiệm vụ theo phân công của lãnh đạo Hội đồng, Ủy ban, có thể được mời tham dự họp Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban nhưng không được biểu quyết đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực).

Căn cứ vào ý kiến của đại biểu Quốc hội, Ban soạn thảo xin đề nghị 02 phương án để đại biểu tiếp tục thảo luận, cho ý kiến:

***Phương án 1:*** Cơ bản như phương án đã trình Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ tịch/Chủ nhiệm, Phó Chủ tịch/Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Thường trực và các Ủy viên khác. Do chức danh “Ủy viên hoạt động chuyên trách” như đề xuất trong dự thảo Luật đã trình Quốc hội dễ gây nhầm lẫn với tính chất hoạt động của đại biểu Quốc hội, mà chưa thể hiện rõ chức danh, vị trí công tác nên Ban soạn thảo xin đề xuất tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội và chuyển lại tên gọi chức danh này là Ủy viên Thường trực như hiện nay.

**Phương án 2:** Giữ như quy định hiện hành, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ tịch/Chủ nhiệm, Phó Chủ tịch/Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Thường trực, Ủy viên Chuyên trách và các Ủy viên khác. Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban gồm Chủ tịch/Chủ nhiệm, Phó Chủ tịch/Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Thường trực.

Ưu điểm của phương án 1 là đơn giản hóa cơ cấu tổ chức của Hội đồng, Ủy ban nhưng lại nâng cao vai trò và tăng cường bộ phận Thường trực Hội đồng, Ủy ban vì tất cả các đại biểu hoạt động chuyên trách tại Hội đồng, Ủy ban sẽ đều thuộc cơ cấu của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban. Tuy nhiên, hạn chế của phương án này là sẽ gián tiếp làm tăng số lượng Ủy viên Thường trực tại Hội đồng, Ủy ban, chưa bảo đảm thực hiện như yêu cầu trong Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Thực hiện theo phương án 2 sẽ duy trì sự ổn định trong cơ cấu tổ chức của Hội đồng, Ủy ban như hiện nay, phân tách rõ từng nhóm đối tượng gắn với tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ đãi ngộ cụ thể và có cơ sở thực hiện giám số lượng cấp phó và Ủy viên Thường trực như yêu cầu của Nghị quyết trung ương. Tuy nhiên, tổ chức theo cách này đang tạo ra quá nhiều tầng nấc trong tổ chức, hoạt động của Hội đồng, Ủy ban, trong khi lại chưa xác định rõ được nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi trách nhiệm cụ thể của từng loại chức danh (nhất là giữa Ủy viên Thường trực, Ủy viên Chuyên trách) dễ dẫn đến phức tạp trong tổ chức, phân công nhiệm vụ và hành chính hóa hoạt động của Hội đồng, Ủy ban, không phù hợp với nguyên tắc làm việc tập thể.

**c) Về việc giảm số lượng cấp phó tại Hội đồng, các Ủy ban của Quốc hội:**

- Nhiều ý kiến tán thành quy định về việc khoán tổng số lượng cấp phó tại Hội đồng, các Ủy ban của Quốc hội là không quá 40 người như dự thảo Luật nhưng đề nghị bổ sung một số nguyên tắc để Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định số lượng cấp phó cụ thể đối với từng cơ quan căn cứ vào yêu cầu công việc. Có ý kiến đề nghị không quy định cụ thể số lượng cấp phó của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban trong luật để bảo đảm sự linh hoạt theo từng thời kỳ.

Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Ban soạn thảo đề nghị 02 phương án cụ thể như sau:

**Phương án 1:** Quy định tổng số lượng cấp phó tại Hội đồng, các Ủy ban của Quốc hội là không quá 40 người như dự thảo Luật nhưng đề nghị bổ sung một số nguyên tắc để Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định số lượng cấp phó cụ thể đối với từng cơ quan căn cứ vào yêu cầu công việc.

**Phương án 2:** Giữ nguyên quy định của Luật hiện hành về nội dung này. Việc quyết định số lượng cấp phó cụ thể của từng cơ quan sẽ được xác định trong đề án riêng và do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định cho mỗi nhiệm kỳ Quốc hội như hiện nay.

Ưu điểm của Phương án 1 là thể chế hóa ngay trong Luật nội dung Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Ban Chấp hành trung ương Đảng (khóa XII),



thể hiện quyết tâm và sự gương mẫu thực hiện của các cơ quan của Quốc hội đối với yêu cầu về việc giảm số lượng cấp phó. Tuy nhiên, thực hiện theo Phương án 2 thì cũng vẫn đáp ứng được yêu cầu về giảm số lượng cấp phó và đồng thời lại có tính linh hoạt cao hơn, dễ điều chỉnh cho nhiều nhiệm kỳ tiếp theo.

*d) Về cơ cấu thành viên của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội cũng như cụ thể hóa quyền của đại biểu Quốc hội được tham gia làm thành viên Hội đồng, thành viên Ủy ban.*

Luật Tổ chức Quốc hội đang quy định theo hướng đại biểu Quốc hội có thể đăng ký tham gia làm thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tùy theo nguyện vọng và khả năng của đại biểu. Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động vừa qua cho thấy, việc cơ cấu Hội đồng, Ủy ban theo đăng ký tham gia của đại biểu Quốc hội dẫn đến số lượng thành viên của Hội đồng, Ủy ban có sự chênh lệch khá lớn (từ 33 đến 52 đại biểu cho mỗi cơ quan, phổ biến là trong khoảng từ 40-48 đại biểu/01 cơ quan); cơ cấu về thành phần tham gia cũng chưa thực sự bảo đảm tính phù hợp, cân đối. Bên cạnh đó, số lượng đại biểu thực tế tham gia hoạt động của Hội đồng, Ủy ban lại khá hạn chế; các phiên họp của Hội đồng, Ủy ban có số lượng thành viên vắng mặt khá cao, có những phiên họp không có đủ quá nửa tổng số thành viên tham dự. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và việc thực hiện nguyên tắc làm việc tập thể của các cơ quan nói trên.

Do đó, trong quá trình chỉnh lý dự thảo Luật lần này, Ban soạn thảo đề nghị cân nhắc các ý kiến đã được đề xuất tại lần xem xét, sửa đổi Luật trước đây là tăng cường chuyên môn hóa hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, tổ chức các cơ quan này thực sự là các cơ quan chuyên môn, làm việc thường xuyên của Quốc hội. Số lượng thành viên của Hội đồng, Ủy ban không cần quá đông, nhưng tất cả hoặc phần lớn thành viên phải là đại biểu hoạt động chuyên trách (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách tại các Đoàn đại biểu Quốc hội). Hoạt động của Hội đồng, Ủy ban phải được lập kế hoạch và thông báo công khai để tất cả các đại biểu Quốc hội được biết và có quyền đăng ký tham dự các hoạt động liên quan đến nội dung mà mình quan tâm. Cách tổ chức này vừa tăng cường tính chuyên nghiệp trong hoạt động của các cơ quan của Quốc hội, bảo đảm nguyên tắc làm việc tập thể, đồng thời vẫn tạo điều kiện cho các đại biểu Quốc hội nói chung được tham gia vào hoạt động của các cơ quan này.

## **6. Về kỳ họp Quốc hội**

*- Có một số ý kiến đề nghị cần tổng kết, luật hóa các nội dung cải tiến, đổi mới mà Quốc hội đã thực hiện trong nhiệm kỳ khóa XIV vào Luật để làm cơ sở cho việc tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Quốc hội nhất là đối với hoạt động tại các kỳ họp Quốc hội.*

Về vấn đề này, Ban soạn thảo nhận thấy trong nhiệm kỳ khóa XIV, Quốc hội đã thực hiện nhiều cải tiến trong việc tổ chức, điều hành kỳ họp Quốc hội như tăng cường tranh luận tại các phiên thảo luận tại Hội trường, rút ngắn thời gian hỏi và trả lời chất vấn, chất vấn theo nhóm vấn đề, tăng cường giám sát chuyên đề của Quốc hội, ban hành nghị quyết cho từng kỳ họp Quốc hội, ứng dụng công

nghệ thông tin trong hoạt động của Quốc hội..., qua đó thu được nhiều kết quả tích cực, được xã hội và cử tri hoan nghênh, ủng hộ. Tuy nhiên, quy định của Luật Tổ chức Quốc hội về kỳ họp Quốc hội có nội dung tương đối khái quát, mang tính nguyên tắc hoạt động và đang được thực hiện tốt; còn cách thức tổ chức thực hiện từng loại công việc tại kỳ họp chủ yếu lại được quy định trong Nội quy kỳ họp Quốc hội. Do đó, những nội dung cải tiến, đổi mới mà đại biểu đã nêu sẽ tiếp tục được tổng hợp, cập nhật để bổ sung, điều chỉnh trong Nội quy kỳ họp Quốc hội khi có đủ điều kiện.

## **7. Về việc nâng cấp các Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

*Có ý kiến đề nghị kiện toàn tổ chức của Quốc hội theo hướng nâng Ban Công tác đại biểu và Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành các cơ quan thuộc Quốc hội để thực hiện Kết luận số 64-KL/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (khóa XI).*

Về vấn đề này, Ban soạn thảo xin báo cáo như sau: Việc nâng cấp các Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành cơ quan thuộc Quốc hội đã được đặt ra và nghiên cứu từ một số nhiệm kỳ Quốc hội gần đây và trong mỗi lần sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Quốc hội. Trong quá trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, để thực hiện Kết luận số 64-KL/TW của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI), Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã trình Quốc hội xem xét nâng cấp Ban Dân nguyện và Ban Công tác đại biểu thành cơ quan thuộc Quốc hội (để phân biệt với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban đang được xác định là các cơ quan của Quốc hội), quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan này trong Luật Tổ chức Quốc hội tương tự như đối với Văn phòng Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội.<sup>8</sup> Bên cạnh đó, có ý kiến còn đề nghị chuyển Ban Dân nguyện thành Ủy ban Dân nguyện của Quốc hội.

Trong quá trình thảo luận tại Quốc hội, do có nhiều ý kiến khác nhau, nên Quốc hội đã quyết định thông qua Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 theo tinh thần giữ ổn định các Ủy ban và các Ban như hiện có, chỉ quy định khái quát về các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong Luật để tiếp tục nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn về các vấn đề này<sup>9</sup>.

Hiện nay, căn cứ vào ý kiến của đại biểu Quốc hội và đề nghị của các cơ quan có liên quan, Đảng đoàn Quốc hội đang giao Ban Công tác đại biểu và Ban Dân nguyện thực hiện tổng kết, đánh giá, xây dựng đề án cụ thể (trong đó xác định rõ địa vị pháp lý, tính chất tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ với các cơ quan hiện có) để báo cáo với Đảng đoàn Quốc

<sup>8</sup> Tờ trình số 665/TTr-UBTVQH13 ngày 28/5/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật Tổ chức Quốc hội (sửa đổi). Theo đó, Ban Công tác đại biểu thực hiện nhiệm vụ tham mưu công tác tổ chức, nhân sự các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm việc thực hiện chế độ, chính sách, bồi dưỡng kỹ năng đối với đại biểu Quốc hội; xem xét đơn, thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến đại biểu Quốc hội. Ban Dân nguyện thuộc Quốc hội thực hiện nhiệm vụ làm đầu mối tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; tổng hợp, xử lý kiến nghị của cử tri; giám sát việc giải quyết các kiến nghị của cử tri, các nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn.

<sup>9</sup> Báo cáo số 752 /BC-UBTVQH13 ngày 18/10/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án Luật Tổ chức Quốc hội (sửa đổi).

hội trước khi báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Ban soạn thảo sẽ tiếp tục cung cấp các nội dung đề án do các cơ quan nghiên cứu, đề xuất để đại biểu Quốc hội tiếp tục thảo luận về nội dung này.

\*

\* \*

Trên đây là Báo cáo xin ý kiến về một số nội dung dự kiến giải trình, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội, Ban soạn thảo xin trân trọng báo cáo.

**BAN SOẠN THẢO**

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2019

## BÁO CÁO

### **Tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội**

Theo chương trình kỳ họp, sáng ngày 29/10/2019 và chiều ngày 12/11/2019, Quốc hội đã thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội. Đã có 173 lượt đại biểu Quốc hội (ĐBQH) phát biểu tại 19 Tổ<sup>1</sup>, 22 lượt ĐBQH phát biểu tại Hội trường, 03 ĐBQH gửi văn bản góp ý kiến. Tổng Thư ký Quốc hội xin báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các vị ĐBQH về dự án Luật này như sau.

#### **1. Về sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Quốc hội**

- Đa số ý kiến tán thành sự cần thiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội với những lý do nêu trong Tờ trình.

- Nhiều ý kiến đề nghị tiếp tục nghiên cứu, xem xét một cách thấu đáo hơn việc sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Quốc hội vì Luật này mới được ban hành năm 2014 nhằm cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013. Một số nội dung đề nghị sửa đổi trong dự thảo Luật chưa thực sự cần thiết, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội cũng như mong muốn của người dân.

- Có ý kiến đề nghị chỉ nên ban hành một nghị quyết để sửa đổi Luật Tổ chức Quốc hội vì các nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung không nhiều.

#### **2. Về phạm vi sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Quốc hội**

- Nhiều ý kiến tán thành với phạm vi sửa đổi, bổ sung như dự thảo Luật, theo đó, tập trung vào các vấn đề đã rõ, những vấn đề đã chín muồi, có nhu cầu cấp thiết trong thực tế nhằm cụ thể hóa các chỉ đạo, kết luận của Trung ương.

- Có ý kiến cho rằng, phạm vi sửa đổi, bổ sung như dự thảo Luật còn hẹp, chủ yếu để tập trung vào cụ thể hóa các nội dung trong Nghị quyết số 18/NQ-TW để tinh gọn bộ máy mà chưa tập trung vào việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả, chất lượng hoạt động của Quốc hội; chưa cụ thể hóa được Kết luận số 64/KL-TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 7 (khóa XI); chưa thể hiện được vai trò trung tâm của ĐBQH trong hoạt động của Quốc hội; chưa khắc phục được những hạn chế, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật thời gian qua; chưa tính đến đặc thù của cơ quan lập pháp cũng như khối lượng công việc ngày càng tăng

<sup>1</sup> Tính số lượt đại biểu Quốc hội phát biểu ý kiến cho cả 02 nội dung: dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm không tổ chức HĐND phường tại thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2021 – 2026.

của Quốc hội; nội dung sửa đổi, bổ sung chưa tạo được cơ sở pháp lý để kết nối, gắn bó chặt chẽ về mặt tổ chức và các điều kiện, yếu tố bảo đảm cho Quốc hội hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Có ý kiến cho rằng nội dung sửa đổi, bổ sung về Đoàn ĐBQH còn gây khó khăn cho hoạt động của Phó Trưởng đoàn ĐBQH chuyên trách, hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH.

- Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu, mở rộng phạm vi sửa đổi, bổ sung về những nội dung sau đây:

(1) Nghiên cứu sửa đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan của Quốc hội, tên gọi của một số Ủy ban của Quốc hội. Có ý kiến băn khoăn với quan điểm trong Luật Tổ chức Quốc hội chỉ quy định mang tính nguyên tắc về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Quốc hội, còn nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sẽ được quy định trong các luật chuyên ngành.

(2) Làm rõ địa vị pháp lý của ĐBQH hoạt động chuyên trách, ĐBQH hoạt động kiêm nhiệm và địa vị pháp lý của Đoàn ĐBQH.

(3) Nâng cao điều kiện bảo đảm cho tổ chức và hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, ĐBQH và Đoàn ĐBQH.

(4) Nghiên cứu thêm quy định về lấy phiếu tín nhiệm tại Điều 12 của Luật hiện hành theo hướng chỉ quy định hai mức tín nhiệm vì nếu quy định ba mức thì tín nhiệm thấp hay tín nhiệm cao cũng đều được 51%.

(5) Bổ sung vào khoản 1 Điều 13 của Luật hiện hành về việc Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn khi có kiến nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(6) Xem xét, sửa đổi các quy định liên quan đến Văn phòng Quốc hội và Văn phòng Đoàn ĐBQH tại các địa phương để phát huy được vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội.

(7) Nghiên cứu và quy định rõ hơn Điều 28 của Luật hiện hành về quyền tiếp nhận đơn thư của công dân. Ý kiến khác đề nghị giữ nguyên Điều 28 để giúp ĐBQH có thêm công cụ trong việc tiếp nhận giải quyết đơn thư.

(8) Nghiên cứu sửa đổi quy định về kỳ họp Quốc hội theo hướng mỗi năm Quốc hội họp 4 kỳ, mỗi kỳ hai tuần để ĐBQH có thể kết hợp cả công việc chuyên môn và công việc của Quốc hội, khắc phục tình trạng nhiều ĐBQH phải nghỉ họp Quốc hội để giải quyết công việc.

(9) Bổ sung quy định về tổ chức hội nghị đại biểu hoạt động chuyên trách, định kỳ mỗi năm tổ chức 4 lần, mỗi lần khoảng 10 ngày hoặc mỗi năm tổ chức 02 lần vào thời gian giữa hai kỳ họp, mỗi lần có thể từ 7 - 10 ngày. Quy định như vậy sẽ bảo đảm thời gian thỏa đáng cho ĐBQH thảo luận sâu hơn, kỹ hơn về các dự án luật, qua đó góp phần nâng cao chất lượng xây dựng luật và tăng cường vai trò của ĐBQH hoạt động chuyên trách.

(10) Làm rõ mô hình, cơ cấu tổ chức của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nghiên cứu kiện toàn tổ chức bộ máy của Quốc hội theo hướng nâng các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành các cơ quan thuộc Quốc hội theo đúng Kết luận số 64/KL-TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 7 (khoá XI).

### **3. Về đại biểu Quốc hội**

#### *a) Về vị trí, vai trò của ĐBQH (Điều 21):*

- Một số ý kiến đề nghị làm rõ địa vị pháp lý của ĐBQH, làm rõ khái niệm ĐHQH hoạt động chuyên trách, ĐBQH hoạt động kiêm nhiệm thể hiện được vai trò trung tâm của ĐBQH trong hoạt động của Quốc hội.

- Có ý kiến đề nghị nâng cao vị trí, vai trò của ĐBQH vì hiện nay vai trò, vị trí của ĐBQH rất mờ nhạt, chưa có quy định cụ thể, rõ ràng, còn thiếu các điều kiện để bảo đảm phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của đại biểu.

#### *b) Về tiêu chuẩn ĐBQH (Điều 22):*

- Đa số ý kiến tán thành quy định ĐBQH có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam; ý kiến khác đề nghị bổ sung từ “chỉ” trong cụm từ “ĐBQH có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam” để bảo đảm sự chặt chẽ.

- Nhiều ý kiến đề nghị bổ sung một số tiêu chuẩn đối với ĐBQH, nhất là ĐBQH hoạt động chuyên trách theo hướng ưu tiên người có kinh nghiệm và kỹ năng hoạt động đại biểu; nâng tuổi ĐBQH hoạt động chuyên trách để phù hợp với pháp luật về lao động; có chính sách để thu hút các ĐBQH lớn tuổi, có năng lực, sức khỏe, trí tuệ, bản lĩnh và tâm huyết, có khả năng tranh luận và phản biện, chú trọng lựa chọn đại biểu từ cán bộ hưu trí đã kinh qua công tác, có kinh nghiệm và bản lĩnh chính trị vào hoạt động của Quốc hội; quy định ĐBQH chuyên trách ở địa phương đủ tuổi tham gia ít nhất 2 nhiệm kỳ để có thể tận dụng được kinh nghiệm, năng lực, quá trình công tác của các ĐBQH.

- Có ý kiến đề nghị cần có tiêu chuẩn cụ thể đối với ĐBQH để nâng cao chất lượng đại biểu, phát huy vai trò của ĐBQH.

- Có ý kiến đề nghị những người trong quy hoạch làm ĐBQH hoặc ĐBQH hoạt động chuyên trách phải có thời gian làm việc ở địa phương hoặc ở Đoàn ĐBQH để có thể tiếp cận công việc của địa phương, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cử tri ở địa phương.

#### *c) Về số lượng và cơ cấu ĐBQH (khoản 1 Điều 23):*

- Có ý kiến cho rằng, số lượng không quá 500 ĐBQH như Luật hiện hành là khá đông, trong khi mỗi kỳ họp Quốc hội, tỷ lệ ĐBQH vắng mặt nhiều. Đề nghị giảm từ 10-15% số lượng ĐBQH so với hiện nay (tương tự như giảm số lượng đại biểu HĐND). Ý kiến khác đề nghị số lượng ĐBQH khoảng 400-500 đại biểu hoặc giảm xuống khoảng 450 đại biểu.

- Có ý kiến đề nghị vẫn giữ tổng số không quá 500 ĐBQH nhưng tăng số lượng ĐBQH hoạt động chuyên trách, giảm số lượng ĐBQH hoạt động kiêm

nhiệm để bảo đảm tính đại diện và nâng cao tính chuyên nghiệp của Quốc hội. Ý kiến khác cho rằng, việc tăng ĐBQH hoạt động chuyên trách, giảm ĐBQH hoạt động kiêm nhiệm sẽ ảnh hưởng đến tính đại diện của Quốc hội và sẽ vướng quy định mỗi địa phương có tối thiểu 6 đại biểu.

- Có ý kiến đề nghị cần phân bổ các đại biểu ứng cử về các địa phương cho hài hòa. Theo đó, cần giảm số lượng đại biểu ĐBQH của thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội, tăng số lượng đại biểu cho các địa phương khác.

- Về cơ cấu ĐBQH, có ý kiến đề nghị giảm ĐBQH hoạt động kiêm nhiệm, giảm ĐBQH công tác ở các cơ quan hành pháp và tư pháp; ý kiến khác đề nghị tăng hợp lý ĐBQH là đại diện của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội, các ĐBQH am hiểu về công tác pháp luật như khối các cơ quan tư pháp, luật sư, luật gia; tăng tỷ lệ đại biểu tái cử; ĐBQH chỉ nên cơ cấu dựa trên một số tiêu chí như giới tính, dân tộc, tôn giáo hoặc độ tuổi, không dựa trên tiêu chí về cơ cấu ngành.

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ tỷ lệ cơ cấu tham gia đại biểu Quốc hội, có thể quy định 10% là ĐBQH khóa trước tái cử, 50% đến 55% ĐBQH cơ cấu trong các cơ quan tư pháp, hành chính, Đảng, đoàn thể để bảo đảm cơ cấu vùng miền, người dân tộc, giới cũng như các thành phần khác trong Quốc hội.

- Có ý kiến đề nghị không công chức hóa ĐBQH chuyên trách để thu hút được trí thức, nhà khoa học, luật sư có trình độ, doanh nhân thành đạt làm ĐBQH chuyên trách.

- Có ý kiến đề nghị không phân biệt ĐBQH chuyên trách và không chuyên trách, chỉ nên xác định nơi công tác của ĐBQH.

*d) Về ĐBQH hoạt động chuyên trách (khoản 2 Điều 23):*

- Đa số ý kiến tán thành quy định về tỷ lệ ĐBQH hoạt động chuyên trách ít nhất là 35% trong tổng số ĐBQH như Luật Tổ chức Quốc hội hiện hành vì qua thực hiện không có vướng mắc và chưa có nhiệm kỳ nào đạt tỷ lệ 35% như quy định. Quy định của Luật hiện hành không hạn chế việc tăng tỷ lệ ĐBQH hoạt động chuyên trách. Mặt khác, ở mỗi kỳ bầu cử, trong Đề án bầu cử đều xác định yêu cầu và tỷ lệ cụ thể của ĐBQH hoạt động chuyên trách căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện cụ thể của từng nhiệm kỳ Quốc hội. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi, đề nghị cần bổ sung các nguyên tắc, điều kiện để đạt được tỷ lệ 35% ĐBQH hoạt động chuyên trách. Ý kiến khác đề nghị cần phân tích nguyên nhân vì sao chưa có nhiệm kỳ nào đạt tỷ lệ 35% ĐBQH hoạt động chuyên trách.

- Có ý kiến đề nghị ấn định tỷ lệ ĐBQH hoạt động chuyên trách là 35% ngay trong Luật để tạo sự chủ động cho các cơ quan, tổ chức khi làm công tác nhân sự có thể lựa chọn được con người tốt nhất, hoàn thiện nhất để làm ĐBQH.

- Có ý kiến đề nghị tăng số lượng ĐBQH hoạt động chuyên trách để phù hợp với Nghị quyết số 18/NQ-TW của Trung ương cũng như Nghị quyết 56/2017/QH14 của Quốc hội và có lộ trình để thực hiện việc tăng tỷ lệ ĐBQH hoạt động chuyên trách. Một số ý kiến đề nghị quy định tỷ lệ ĐBQH hoạt động

chuyên trách theo một trong các mức sau: không được dưới 35%, cao hơn 35%; ít nhất từ 35% - 40%; từ 37% đến 40%; không được dưới 40%, từ 40%; từ 45% đến 50%, từ 50% đến 60%; ít nhất 50% tiến đến 100%.

- Có ý kiến đề nghị tăng ĐBQH hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và của địa phương cho phù hợp. Ý kiến khác đề nghị quy định cụ thể tỷ lệ ĐBQH hoạt động chuyên trách ở Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội ít nhất là 40%.

- Có ý kiến đề nghị quy định tỷ lệ hoặc số lượng ĐBQH hoạt động chuyên trách ở các Đoàn ĐBQH. Có thể quy định tỷ lệ ít nhất là 35% tổng số đại biểu của Đoàn hoặc xác định mỗi Đoàn có ít nhất 03 ĐBQH hoạt động chuyên trách, gồm 01 đến 02 đại biểu ở địa phương và 01 đại biểu ở Trung ương.

- Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu tăng ĐBQH hoạt động chuyên trách theo hướng các đồng chí lãnh đạo tại các cơ quan của Quốc hội, các Bộ, ngành, địa phương hoặc cán bộ, công chức sau khi nghỉ hưu, nếu đủ sức khỏe, có năng lực và tâm huyết với hoạt động của Quốc hội thì có thể ứng cử làm ĐBQH hoặc tăng ĐBQH chuyên trách tái cử hoặc tăng số đại biểu công tác tại các Đoàn ĐBQH ở địa phương hoặc bổ sung các đại biểu chuyên trách là các chuyên gia giỏi, chuyên sâu, các lĩnh vực thuộc Ủy ban phụ trách để nâng cao hiệu quả, chất lượng xây dựng luật, giám sát mang tính chuyên ngành.

- Một số ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ, chính sách của ĐBQH hoạt động chuyên trách để thu hút người về làm ĐBQH chuyên trách, phát huy được tính chủ động, sáng tạo của đại biểu để đóng góp cho Quốc hội, bảo đảm cân bằng giữa ĐBQH hoạt động chuyên trách ở Trung ương và ở địa phương. Đồng thời, đề nghị nếu tăng đại biểu hoạt động chuyên trách thì cũng cần tăng số lượng công chức ở bộ phận tham mưu về chuyên môn.

*đ) Về việc chuyển sinh hoạt của ĐBQH (khoản 1 Điều 38):*

- Đa số ý kiến tán thành quy định về việc chuyển sinh hoạt của ĐBQH như dự thảo Luật làm cơ sở pháp lý để xác định rõ hơn các hoạt động của ĐBQH khi chuyển địa bàn hoạt động nhưng đề nghị nghiên cứu, bổ sung các nội dung sau đây:

+ Quy định cụ thể trình tự, thủ tục linh hoạt hơn để ĐBQH chuyển công tác đến tỉnh, thành phố khác thì được chuyển sinh hoạt đến Đoàn ĐBQH, đặc biệt là đối với các ĐBQH làm việc trong Quân đội.

+ Xác định cụ thể địa bàn tiếp xúc cử tri của ĐBQH khi chuyển công tác, chuyển sinh hoạt đến Đoàn ĐBQH khác hoặc quy định trách nhiệm của Đoàn ĐBQH nơi đại biểu chuyển đến phải bố trí địa bàn để ĐBQH tiếp xúc cử tri.

+ Quy định cụ thể các hình thức để ĐBQH giữ mối liên hệ với cử tri nơi mình ứng cử để bảo đảm việc thực hiện chức trách của đại biểu.

+ Quy định trường hợp ĐBQH hoạt động chuyên trách ở địa phương mà chuyển công tác thì phải cho thôi nhiệm vụ của đại biểu chuyên trách ở địa phương



vì thực tế có trường hợp Phó Trưởng đoàn ĐBQH hoạt động chuyên trách được chuyển công tác về Trung ương nhưng không cho thôi chức Phó Trưởng đoàn.

+ Liên quan đến vấn đề này, đề nghị sửa đổi Điều 21 của Luật Tổ chức Quốc hội theo hướng ĐBQH là đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân nơi bầu ra mình, trừ trường hợp chuyển công tác đến địa phương khác.

+ Cần nhắc cụm từ “nơi mình nhận công tác” vì dễ hiểu nhầm đây chỉ mang tính chất về địa giới hành chính. Trong thực tiễn, có nhiều trường hợp ĐBQH chuyển công tác về các cơ quan trung ương nhưng vẫn sinh hoạt tại Đoàn ĐBQH ở địa phương.

- Có ý kiến đề nghị quy định theo hướng nếu ĐBQH chuyển công tác đến tỉnh, thành phố khác thì “đương nhiên” được chuyển sinh hoạt đến Đoàn ĐBQH nơi mình nhận công tác, trường hợp đại biểu chuyển công tác về cơ quan trung ương thì do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

- Có ý kiến đề nghị thiết kế lại quy định về chuyển công tác của ĐBQH để hạn chế việc ĐBQH chuyển công tác, bảo đảm tính đại diện cho cử tri ở địa phương.

- Một số ý kiến cho rằng không cần thiết phải quy định nội dung này trong Luật vì ĐBQH là đại biểu của toàn dân nên phạm vi tiếp xúc cử tri của đại biểu không chỉ trong một phạm vi địa bàn nhất định nơi đại biểu công tác mà trên phạm vi cả nước.

- Có ý kiến đề nghị tùy theo điều kiện thực tiễn của từng địa phương để xem xét, chuyển sinh hoạt của ĐBQH khi chuyển công tác để bảo đảm cân đối về số lượng đại biểu giữa các Đoàn ĐBQH.

- Có ý kiến đề nghị có cơ chế điều động, chuyển công tác của ĐBQH từ các cơ quan của Quốc hội về Đoàn ĐBQH hoặc làm lãnh đạo ở địa phương; điều động Phó Trưởng đoàn ĐBQH hoạt động chuyên trách về các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội.

*e) Về việc xin thôi làm nhiệm vụ ĐBQH (khoản 2 Điều 38):*

- Có ý kiến đề nghị không áp dụng hình thức cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu hoặc miễn nhiệm đối với ĐBQH đã bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

- Có ý kiến đề nghị cần có quy trình miễn nhiệm đối với ĐBQH khi không còn xứng đáng và việc miễn nhiệm phải có ý kiến của cử tri, đối với những ĐBQH bị xử lý kỷ luật thì không được cho miễn nhiệm vì lý do sức khỏe.

- Đề nghị cần nhắc việc mở rộng thẩm quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội về vấn đề này vì Quốc hội đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, những vấn đề này cần đưa ra để các ĐBQH thảo luận và thông báo cho nhân dân biết. Ý kiến khác đề nghị bổ sung quy định trường hợp ĐBQH có đơn xin thôi làm nhiệm vụ phải được trình Quốc hội xem xét, quyết định.

*g) Về trách nhiệm của ĐBQH:*

- Có ý kiến cho rằng Luật Tổ chức Quốc hội hiện hành quy định trách nhiệm của ĐBQH trong việc tiếp xúc cử tri, tham gia các hoạt động giám sát nhưng không có chế tài xử lý trường hợp ĐBQH không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình. Đề nghị bổ sung, làm rõ trách nhiệm của ĐBQH khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và chế tài xử lý.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung trách nhiệm của ĐBQH ở trung ương phải tham gia vào các hoạt động của Đoàn ĐBQH ở địa phương nơi mình ứng cử.

#### *h) Về cơ chế và điều kiện bảo đảm cho ĐBQH:*

- Có ý kiến đề nghị có cơ chế bảo đảm cho ĐBQH được hưởng quyền bất khả xâm phạm không chỉ ở trong nước mà cả khi ra nước ngoài để bảo đảm vị thế của ĐBQH đã được khẳng định trong Hiến pháp. Đề nghị xem xét lại quy định về việc thu giữ, quản lý, sử dụng hộ chiếu ngoại giao của ĐBQH trong thời gian qua vì chưa phù hợp với thực tiễn.

- Có ý kiến đề nghị có cơ chế cụ thể để ĐBQH thực hiện quyền giám sát; khi ĐBQH kiến nghị mà các cơ quan, tổ chức không thực hiện thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc mà có chế tài xử lý cho phù hợp.

- Có ý kiến đề nghị có cơ chế đánh giá đối với hoạt động của các ĐBQH kiêm nhiệm để tạo cơ sở pháp lý cho các ĐBQH và Đoàn ĐBQH hoạt động được rõ ràng, minh bạch, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, đồng thời làm cơ sở để cử tri giám sát hoạt động của ĐBQH và Đoàn ĐBQH.

- Có ý kiến đề nghị phải bảo đảm các điều kiện làm việc, tạo môi trường làm việc tốt, dân chủ, không bị chi phối bởi lợi ích nhóm và các quan hệ xung đột có liên quan để phát huy sở trường của ĐBQH chuyên trách. Đề nghị có chính sách đào tạo, bồi dưỡng đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách ở địa phương, tạo điều kiện để tham dự hội thảo, hội nghị, tập huấn trong nước và quốc tế, cập nhật thông tin về tình hình mới để thực hiện nhiệm vụ được tốt hơn.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quyền được yêu cầu đính chính thông tin cho ĐBQH; Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm bố trí bộ phận chuyên môn giúp đại biểu cung cấp thông tin chính xác đến các cơ quan, tổ chức để thực hiện việc đính chính.

#### **4. Về Đoàn ĐBQH**

##### *a) Về địa vị pháp lý của Đoàn ĐBQH (khoản 1 Điều 43):*

- Nhiều ý kiến cho rằng, hiện nay, Luật Tổ chức Quốc hội chưa quy định cụ thể địa vị pháp lý của Đoàn ĐBQH, trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương cũng không có quy định nào về cơ quan này. Vì vậy, đề nghị làm rõ địa vị pháp lý, vai trò của Đoàn ĐBQH trong hệ thống chính trị ở địa phương, không nên xác định Đoàn ĐBQH chỉ là hình thức tổ chức hoạt động cho ĐBQH mà đây là một cơ cấu của Quốc hội, thực thi các nhiệm vụ của Quốc hội tại địa phương. Đồng thời, các kiến nghị của Đoàn ĐBQH với cấp ủy, chính quyền địa phương phải được xem xét, coi đó là ý kiến của Quốc hội.

- Có ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 43 như sau: “Đoàn ĐBQH là tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, có trụ sở và kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật” để bảo đảm hoạt động của Đoàn ĐBQH hiệu quả, nhất là trong các mối quan hệ với các cơ quan ở trung ương, cơ quan ở địa phương và khẳng định vị thế của Đoàn ĐBQH.

- Về tên gọi của Đoàn, có ý kiến đề nghị thay tên gọi “Đoàn ĐBQH tỉnh ...” bằng “Đoàn ĐBQH tại tỉnh ...” để không làm giới hạn phạm vi hoạt động của ĐBQH.

*b) Về nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn ĐBQH (khoản 2 Điều 43):*

- Có ý kiến tán thành việc sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 43 như dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ của Đoàn ĐBQH trong hoạt động xây dựng pháp luật, giám sát, khảo sát thực thi chính sách pháp luật ở địa phương và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn ĐBQH trong việc giám sát chính quyền địa phương triển khai thực hiện nghị quyết của Quốc hội, của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Để có cơ sở thực hiện thẩm quyền này, đề nghị quy định Chính phủ, các Bộ, ngành khi ban hành nghị định, thông tư phải cung cấp cho Đoàn ĐBQH, ĐBQH để theo dõi, giám sát thực thi pháp luật.

*c) Về Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn ĐBQH (khoản 3 Điều 43):*

*\* Về vị trí, vai trò của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn ĐBQH:*

- Nhiều ý kiến đề nghị làm rõ địa vị pháp lý, tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và ĐBQH hoạt động chuyên trách ở địa phương; xác định vị trí của các chức danh này trong hệ thống chính trị ở địa phương; quy định vai trò của Phó Trưởng đoàn ĐBQH khi Văn phòng Đoàn ĐBQH hợp nhất với các Văn phòng khác và chuyển về địa phương quản lý.

- Có ý kiến đề nghị quy định Trưởng đoàn hoặc Phó Trưởng đoàn ĐBQH đồng thời là Phó Chủ tịch HĐND cấp tỉnh để thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy, tạo thuận lợi cho các mặt công tác của Đoàn ĐBQH. Ý kiến khác đề nghị quy định Trưởng đoàn là Ủy viên Thường vụ cấp tỉnh, Phó Trưởng đoàn ĐBQH hoạt động chuyên trách phải là Tỉnh ủy viên.

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ mối quan hệ phối hợp giữa Đoàn ĐBQH với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn, theo dõi, nắm bắt thông tin và giám sát thực thi chính sách, pháp luật tại địa phương.

*\* Về số lượng ĐBQH hoạt động chuyên trách tại Đoàn ĐBQH:*

- Một số ý kiến tán thành việc giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định số lượng ĐBQH hoạt động chuyên trách tại mỗi Đoàn ĐBQH. Ý kiến khác đề nghị Luật cần quy định cụ thể số lượng ĐBQH chuyên trách tại địa phương, không nên giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định, tránh việc vận động, “xin - cho”.

- Nhiều ý kiến đề nghị giữ quy định Trưởng đoàn hoặc Phó Trưởng đoàn phải là ĐBQH hoạt động chuyên trách như Luật hiện hành để bảo đảm vị thế, nâng cao hiệu quả công tác điều hành và các hoạt động giám sát của Đoàn ĐBQH ở địa phương; không nên quy định ĐBQH hoạt động chuyên trách ở Đoàn ĐBQH mà không phải là Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn vì vai trò, khả năng hoạt động rất hạn chế; trường hợp đặc biệt do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

- Một số ý kiến đề nghị tăng số lượng ĐBQH hoạt động chuyên trách ở địa phương vì hoạt động của Đoàn ĐBQH chủ yếu do các đại biểu hoạt động chuyên trách ở địa phương thực hiện; quy định mỗi Đoàn có 02 ĐBQH hoạt động chuyên trách, đối với Đoàn đã có 02 ĐBQH hoạt động chuyên trách thì tăng thành 03 ĐBQH chuyên trách. Ý kiến khác đề nghị quy định Đoàn ĐBQH có từ 01 đến 02 ĐBQH hoạt động chuyên trách và Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành tiêu chí quy định số lượng ĐBQH hoạt động chuyên trách ở từng địa phương.

- Có ý kiến đề nghị quy định Đoàn ĐBQH có 02 Phó Trưởng đoàn hoạt động chuyên trách, trường hợp không bố trí được thì Đoàn có 01 Phó Trưởng đoàn hoạt động chuyên trách và 01 Phó Trưởng đoàn hoạt động kiêm nhiệm để tạo nguồn, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn.

- Có ý kiến đề nghị xác định Đoàn ĐBQH có Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn là đại biểu chuyên trách.

- Có ý kiến đề nghị quy định nếu ĐBQH nào được cơ cấu tham gia cấp ủy thì có thể bố trí làm Phó Trưởng đoàn, các ĐBQH còn lại trong Đoàn là đại biểu chuyên trách và có thể tham gia nhiều Ủy ban khác nhau, không nhất thiết phải là một Ủy ban.

*\* Về việc quản lý ĐBQH hoạt động chuyên trách:*

- Có ý kiến tán thành việc bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền quản lý ĐBQH hoạt động chuyên trách ở địa phương như dự thảo Luật.

- Có ý kiến cho rằng, hiện nay, việc quản lý đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách tại địa phương được thực hiện bởi nhiều đầu mối nên có sự chồng chéo. Đề nghị cần nghiên cứu một cách thận trọng, phù hợp, đồng bộ giữa ĐBQH chuyên trách ở trung ương và ĐBQH chuyên trách ở địa phương.

- Có ý kiến đề nghị trong Luật cần có những quy định mang tính nguyên tắc về cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý cán bộ ở địa phương và cơ quan quản lý ĐBQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong quản lý ĐBQH chuyên trách, còn những vấn đề cụ thể sẽ có hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Ban Tổ chức Trung ương.

- Có ý kiến đề nghị làm rõ thẩm quyền phân loại, đánh giá đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách ở địa phương là do cấp ủy địa phương hay Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ý kiến khác đề nghị quy định ĐBQH hoạt động chuyên trách ở địa phương do cấp ủy ở địa phương quản lý về công tác cán bộ, trong quy hoạch, đề bạt và luân chuyển công tác.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định cơ quan có thẩm quyền quản lý đối với cán bộ cấp tỉnh, theo phân cấp, cũng phải chịu trách nhiệm về việc quy hoạch, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, đánh giá phân loại cán bộ hàng năm, bố trí công tác khác nếu không tái cử, quyết định nghỉ hưu, thi đua, khen thưởng và các công việc khác có liên quan đến công tác cán bộ đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách ở địa phương.

- Một số ý kiến đề nghị xác định rõ Phó Trưởng đoàn ĐBQH chuyên trách là do Trung ương hay địa phương quản lý để tránh tâm tư và bảo đảm quyền lợi của đại biểu trong việc xét đánh giá, khen thưởng, quy hoạch, điều động, bổ nhiệm...

- Một số ý kiến đề nghị làm rõ việc thực hiện chế độ thi đua, khen thưởng đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách tại địa phương để phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của ĐBQH hoạt động chuyên trách.

- Có ý kiến cho rằng quy định về việc bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn ĐBQH ngay tại kỳ họp thứ nhất như hiện nay còn hình thức, đề nghị sửa đổi theo hướng Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn ĐBQH theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ý kiến khác đề nghị quy định trường hợp Phó Trưởng đoàn ĐBQH chuyên công tác thì Đoàn ĐBQH sẽ bầu một Phó Trưởng đoàn khác.

- Có ý kiến đề nghị quy định chức danh “quyền Trưởng đoàn” thay cho chức danh “Phó Trưởng đoàn chuyên trách phụ trách Đoàn” khi Đoàn ĐBQH có Trưởng đoàn được điều động, luân chuyển để thực hiện công tác cán bộ.

- Có ý kiến đề nghị Luật hóa một số nội dung quy định trong Nghị quyết số 524, 353 và 380 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để khắc phục tình trạng hiểu chưa đúng về thẩm quyền quản lý cán bộ đối với các chức danh này.

*d) Về bộ máy giúp việc của Đoàn ĐBQH (khoản 4 Điều 43):*

- Một số ý kiến tán thành với quy định của dự thảo Luật về bộ máy giúp việc của Đoàn ĐBQH.

- Nhiều ý kiến đề nghị cần tổng kết, đánh giá việc thực hiện thí điểm chủ trương hợp nhất 03 Văn phòng tại 12 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước khi quyết định việc nhập 02 hay 03 Văn phòng thành một Văn phòng tham mưu, giúp việc chung.

- Nhiều ý kiến cho rằng, việc nhập Văn phòng Đoàn ĐBQH, Văn phòng HĐND và Văn phòng UBND cấp tỉnh thành một Văn phòng sẽ khó cho công tác tham mưu vì vừa tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền quyết định và giám sát chính sách lại vừa tham mưu cho cơ quan triển khai thực hiện và chịu sự giám sát nên không bảo đảm chất lượng, làm giảm quyền lực của các cơ quan dân cử. Do đó, đề nghị chỉ nên nhập Văn phòng Đoàn ĐBQH và Văn phòng HĐND cấp tỉnh vì có tính chất chuyên môn giống nhau, cùng phục vụ hoạt động của cơ quan dân cử, theo đó, biên chế và việc quản lý công chức do cấp tỉnh thực hiện, tạo điều kiện cho việc thu hút người về công tác ở địa phương đồng thời, cần có chính sách bồi dưỡng quy hoạch đội ngũ này trở thành ĐBQH. Ý kiến khác đề nghị khi nhập

Văn phòng Đoàn ĐBQH và Văn phòng Hội đồng nhân dân thì Chánh Văn phòng là một cơ cấu của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Một số ý kiến đề nghị giữ Văn phòng Đoàn ĐBQH như quy định của Luật hiện hành. Ý kiến khác cho rằng đối với những Đoàn ĐBQH có số lượng ĐBQH nhiều, số lượng cử tri lớn thì phải có Văn phòng Đoàn ĐBQH riêng.

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu mô hình tổ chức bộ phận giúp việc cho Đoàn ĐBQH như Quốc hội các khóa VIII, IX, X. Theo đó, bộ phận giúp việc cho Đoàn ĐBQH chỉ có 01 - 02 Thư ký Đoàn ĐBQH; lương các ĐBQH hoạt động chuyên trách do ngân sách trung ương bảo đảm; các điều kiện bảo đảm khác như chi văn thư, tạp vụ, nước uống, xăng xe... do ngân sách địa phương bảo đảm và giao cho một Văn phòng thực hiện.

- Có ý kiến đề nghị xác định rõ trong Luật địa vị pháp lý của bộ phận tham mưu, giúp việc cho Đoàn ĐBQH, không giao cho Chính phủ quy định nội dung này. Ý kiến khác cho rằng việc xác định bộ máy giúp việc của Đoàn ĐBQH thuộc chính quyền địa phương là không hợp lý vì chính quyền địa phương chỉ gồm HĐND và UBND, không bao gồm Đoàn ĐBQH.

- Có ý kiến đề nghị quy định là “bộ máy giúp việc” của Đoàn ĐBQH cho thống nhất với Luật Tổ chức chính quyền địa phương; ý kiến khác đề nghị thay cụm từ “bộ phận giúp việc” bằng cụm từ “bộ máy giúp việc” hoặc là “cơ quan giúp việc” hoặc là “Văn phòng giúp việc”, “Văn phòng tham mưu, giúp việc” hoặc tên của văn phòng sau khi đã sáp nhập.

- Có ý kiến cho rằng trường hợp hợp nhất 03 Văn phòng thì phải có một cơ chế độc lập cho Phòng công tác đại biểu và bảo đảm cơ chế chỉ đạo của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn ĐBQH đối với Phòng này.

- Có ý kiến đề nghị quan tâm đến chế độ, chính sách của bộ phận tham mưu, giúp việc cho Đoàn ĐBQH.

*đ) Về kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Đoàn ĐBQH (khoản 4 Điều 43, điểm d khoản 1 Điều 99 và Điều 101):*

- Một số ý kiến tán thành quy định về kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Đoàn ĐBQH như dự thảo Luật. Việc bố trí trụ sở làm việc, bảo đảm kinh phí và các điều kiện cần thiết khác, nhất là lương của ĐBQH hoạt động chuyên trách, công tác ở địa phương, kinh phí hoạt động của Đoàn ĐBQH do ngân sách tỉnh bảo đảm theo phân bổ dự toán của HĐND cấp tỉnh là xác thực, kịp thời và hiệu quả. Bên cạnh đó, hoạt động phí, thù lao tham gia hoạt động Quốc hội, các chế độ của ĐBQH gắn với hoạt động của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội thì do ngân sách trung ương bảo đảm. Quy định này sẽ khắc phục được những hạn chế, khó khăn về việc không chủ động kinh phí. Ý kiến khác đề nghị nghiên cứu, giải trình rõ hơn lý do và sự cần thiết phải sửa đổi quy định về kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Đoàn ĐBQH trong Luật Tổ chức Quốc hội; làm rõ nếu ngân sách trung ương chi trả cho các

hoạt động của Đoàn ĐBQH thì chi trả trực tiếp hay thông qua Văn phòng tham mưu, giúp việc.

- Đa số ý kiến đề nghị quy định kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Đoàn ĐBQH do ngân sách trung ương bảo đảm để nâng cao chất lượng hoạt động của ĐBQH, bảo đảm ĐBQH không bị lệ thuộc vào địa phương, hơn nữa, hiện nay mỗi địa phương có khả năng ngân sách khác nhau. Kinh phí phục vụ hoạt động của bộ máy giúp việc cho Đoàn ĐBQH do ngân sách địa phương bảo đảm là phù hợp với chủ trương hợp nhất các Văn phòng.

- Nhiều ý kiến đề nghị quy định kinh phí phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH và bộ phận tham mưu, giúp việc Đoàn ĐBQH đều do ngân sách trung ương bảo đảm vì đây là cơ quan phục vụ cho hoạt động của Quốc hội ở địa phương nên ngân sách trung ương bảo đảm hoạt động là phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước.

- Có ý kiến cho rằng việc giao cho HĐND quyết định kinh phí phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH là không hợp lý, không đúng với quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước, Đoàn ĐBQH không phải là một đơn vị dự toán ngân sách của địa phương. Ý kiến khác đề nghị cần xem xét, tính toán thật kỹ khi quy định về kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Đoàn ĐBQH.

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu 2 phương án về kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Đoàn ĐBQH như sau: Phương án 1 quy định toàn bộ kinh phí phục vụ cho ĐBQH, chế độ chính sách do ngân sách trung ương bảo đảm, kinh phí phục vụ cho bộ phận tham mưu, giúp việc Đoàn ĐBQH do ngân sách địa phương bảo đảm; Phương án 2 giao cho ngân sách địa phương bảo đảm toàn bộ kinh phí cho ĐBQH, Đoàn ĐBQH và bộ phận tham mưu giúp việc nhưng ngân sách trung ương có bảo đảm thêm một số chế độ, chính sách đặc thù của ĐBQH hoạt động chuyên trách.

- Có ý kiến cho rằng trường hợp giao kinh phí phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH về cho ngân sách địa phương bảo đảm thì phải có cơ chế để ngân sách trung ương điều tiết kinh phí cho địa phương nhằm bảo đảm hoạt động cho Đoàn ĐBQH và ĐBQH. Đồng thời, phải có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này để bảo đảm sự thống nhất về chế độ chính sách, nội dung chi, định mức chi... tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí.

- Có ý kiến đề nghị giữ lại các khoản phụ cấp đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách; ý kiến khác đề nghị xác định rõ kinh phí phục vụ hoạt động của các ĐBQH công tác tại các hội, các tổ chức sắp tới sẽ thực hiện tự chủ về kinh phí.

- Có ý kiến đề nghị Đoàn ĐBQH không cần thiết phải có trụ sở riêng để tránh lãng phí.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung vào khoản 1 Điều 101 nội dung như sau: kinh phí hoạt động của Quốc hội bao gồm kinh phí hoạt động của các Đoàn ĐBQH tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho đầy đủ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tính chất hoạt động của Đoàn ĐBQH hoặc quy định lương và kinh phí hoạt động của Đoàn ĐBQH tại địa phương là một khoản ngân sách nhà nước do Quốc hội quyết định.

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ trách nhiệm bảo đảm các điều kiện và các nguồn lực, cơ sở vật chất cho tổ chức và hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các Đoàn ĐBQH, bộ máy giúp việc của các cơ quan của Quốc hội và các Đoàn ĐBQH.

### 5. Về Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, một số ý kiến đề nghị nghiên cứu các nội dung sau đây:

+ Giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội thẩm quyền quyết định một số vấn đề cần thiết, cấp bách phát sinh giữa hai kỳ họp Quốc hội để bảo đảm tính kịp thời.

+ Bổ sung thẩm quyền giải thích nghị quyết của Quốc hội; thẩm quyền trong việc điều động ĐBQH;

+ Rà soát, bổ sung một số nhiệm vụ mà Quốc hội có thể ủy quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện trong thời gian giữa hai kỳ họp như những vấn đề cấp bách do Chính phủ trình, cần thiết phải xử lý kịp thời để rút ngắn thời gian kỳ họp Quốc hội; quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều luật đơn giản; quyết định phân bổ nguồn vốn đầu tư công; quyết định một số dự án đầu tư liên quan đến đất rừng, đất lúa theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng nguồn vốn đầu tư thuộc dự án loại B, loại C. Ý kiến khác lại đề nghị không nên bổ sung thêm thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các vấn đề nêu trên sẽ được quy định tại các luật chuyên ngành.

+ Bổ sung quy định khi chuẩn bị nhiệm kỳ Quốc hội mới, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ giới thiệu nhân sự để Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét và quyết định.

+ Khoản 3 Điều 54 của dự thảo Luật giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định hoạt động phí, thù lao tham gia hoạt động Quốc hội, các khoản phụ cấp,... của ĐBQH là không cần thiết.

+ Cân nhắc việc sửa đổi, bổ sung Điều 59 vì đã có Luật trưng cầu dân ý.

- Về nguyên tắc hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhiều ý kiến tán thành việc sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 44 như dự thảo Luật. Có ý kiến đề nghị làm rõ thuật ngữ “quá nửa tổng số” tại khoản 4, khoản 5 Điều 44 và đối với từng trường hợp cụ thể thì nên có định lượng số đại biểu tán thành khác nhau để thể hiện tính chất quan trọng của quyết định đó. Ý kiến khác đề nghị không quy định hình thức “kết luận” của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại khoản 4 Điều 44 của dự thảo Luật vì Điều 74 của Hiến pháp không quy định hình thức văn bản kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo Luật cũng chưa quy định rõ giá trị pháp lý và hiệu lực của hình thức văn bản này. Hơn nữa, việc bổ sung hình thức văn bản kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong Luật sẽ làm cho hệ thống văn bản pháp luật thêm công kênh, không phù hợp với chủ trương giảm các hình thức văn bản pháp luật mà Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội đã cố gắng thực hiện thời gian qua.

- Về phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 60):



+ Có ý kiến đề nghị quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ họp khi có quá nửa tổng số thành viên dự họp, tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật.

+ Có ý kiến cho rằng quy định Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm của Ủy ban Quốc hội được mời tham dự các phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội là không chính xác, vì các đồng chí này đồng thời đã là Ủy viên Ủy ban Thường vụ nên phải có trách nhiệm, nghĩa vụ tham dự phiên họp.

+ Có ý kiến đề nghị không quy định trong Luật về việc mời Thủ tướng Chính phủ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao... tham gia phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội như tại khoản 4 Điều 60 của dự thảo Luật mà khẳng định Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước phải có trách nhiệm tham dự các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi có yêu cầu.

## **6. Về Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội**

*a) Về tên gọi và số lượng thành viên Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội*

- Có ý kiến đề nghị đổi tên gọi của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội thành Ủy ban Dân tộc miền núi của Quốc hội để thống nhất với các Ủy ban khác của Quốc hội.

- Có ý kiến đề nghị đổi tên Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng thành Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên và Trẻ em hoặc Ủy ban Văn hóa, Giáo dục và Trẻ em bảo đảm sự ngắn gọn. Ý kiến khác cho rằng cần nghiên cứu, xem xét đổi tên Ủy ban này để bao quát chức năng, nhiệm vụ, đặc biệt là trong lĩnh vực trẻ em, nếu chỉ đến tuổi nhi đồng thì toàn bộ đối tượng dưới tuổi nhi đồng chưa thuộc Ủy ban nào phụ trách.

- Có ý kiến đề nghị quy định thành viên của Hội đồng Dân tộc khoảng 40-50 người, các Ủy ban khác khoảng 30 người vì Hội đồng Dân tộc có tính đại diện cao hơn.

*b) Về cơ cấu tổ chức của Hội đồng, Ủy ban của Quốc hội (Điều 67):*

- Nhiều ý kiến tán thành cơ cấu tổ chức của Hội đồng, Ủy ban của Quốc hội như quy định tại dự thảo Luật, gồm có Chủ tịch/Chủ nhiệm, Phó Chủ tịch/Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên.

- Có ý kiến đề nghị giữ cơ cấu tổ chức của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội như Luật hiện hành nhưng đề nghị phân biệt rõ địa vị pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Ủy viên Thường trực và Ủy viên Chuyên trách; ý kiến khác đề nghị quy định rõ địa vị pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Thường trực, Ủy viên Chuyên trách, Ủy viên kiêm nhiệm.

- Có ý kiến đề nghị cơ cấu tổ chức của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội gồm có Chủ tịch/Chủ nhiệm, Phó Chủ tịch/Phó Chủ nhiệm và đại biểu

chuyên trách hoặc gồm Chủ tịch/Chủ nhiệm, Phó Chủ tịch/Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Thường trực và Ủy viên kiêm nhiệm hoặc gồm có Ủy viên Chuyên trách và Ủy viên kiêm nhiệm.

- Nhiều ý kiến tán thành với cơ cấu Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban như dự thảo Luật gồm Chủ tịch/Chủ nhiệm, Phó Chủ tịch/Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên hoạt động chuyên trách tại Hội đồng, Ủy ban của Quốc hội, còn chế độ của Ủy viên hoạt động chuyên trách thì theo tiêu chuẩn của Ủy viên Thường trực hiện nay. Ý kiến khác đề nghị làm rõ lý do thay đổi chức danh từ Ủy viên Thường trực thành Ủy viên hoạt động chuyên trách.

- Một số ý kiến đề nghị giữ lại chức danh Ủy viên Thường trực và làm rõ vị trí, vai trò của chức danh này vì các lý do sau đây:

(1) Nghị quyết số 18/NQ-TW yêu cầu đặt ra yêu cầu tăng tỷ lệ ĐBQH hoạt động chuyên trách, giảm cấp phó và Ủy viên Thường trực, không yêu cầu bỏ chức danh Ủy viên Thường trực. Do đó, việc gọi chung là Ủy viên hoạt động chuyên trách không phù hợp với Nghị quyết số 18/NQ-TW.

(2) Giữ lại chức danh Ủy viên Thường trực để thuận lợi cho quá trình công tác và việc giới thiệu đại biểu.

(3) Ủy viên hoạt động chuyên trách không phải là một chức danh. Theo quy định thì “hoạt động chuyên trách” được hiểu là ĐBQH dành 100% thời gian làm nhiệm vụ đại biểu, quy định này dùng để phân biệt với ĐBQH hoạt động không chuyên trách (còn gọi là đại biểu kiêm nhiệm), chỉ dành ít nhất 1/3 thời gian để thực hiện nhiệm vụ đại biểu.

(4) Nếu theo cách quy định mới, khái niệm hoạt động chuyên trách sẽ không tường minh và chưa phân định được sự khác nhau giữa các chức danh Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban là đại biểu hoạt động chuyên trách ở Trung ương với các Ủy viên là đại biểu hoạt động chuyên trách ở địa phương.

(5) Tạo điều kiện cho việc xác định tiêu chuẩn, điều kiện và chế độ, chính sách đối với từng nhóm đối tượng, phát huy được hiệu quả hoạt động chức danh, bảo đảm tính tập thể trong hoạt động của Hội đồng và Ủy ban.

(6) Bảng lương, phụ cấp của Ủy viên Thường trực và Ủy viên Chuyên trách là khác nhau, nếu gộp chung lại là không hợp lý.

- Có ý kiến đề nghị cơ cấu Thường trực Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ tịch/Chủ nhiệm, Phó Chủ tịch/Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Thường trực và Ủy viên Chuyên trách hoạt động tại Hội đồng, Ủy ban hiện nay.

- Có ý kiến đề nghị xác định rõ địa vị pháp lý, bổ sung chế độ, chính sách cho Ủy viên hoạt động chuyên trách thì mới thu hút được những người tâm huyết, trách nhiệm về làm ĐBQH.

- Có ý kiến đề nghị làm rõ “các Ủy viên khác” trong cơ cấu của Hội đồng, Ủy ban là những ai.

- Có ý kiến tán thành quy định Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban có thể thành lập các tiểu ban. Ý kiến khác đề nghị không nên quy định việc thành lập các tiểu ban vì đây là vấn đề tổ chức bộ máy.

- Có ý kiến đề nghị quy định ĐBQH kiêm nhiệm không nhất thiết phải cơ cấu tham gia Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban. Ý kiến khác đề nghị mỗi ĐBQH đều phải tham gia là thành viên của Hội đồng Dân tộc, một Ủy ban của Quốc hội.

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc việc cơ cấu các ĐBQH là sĩ quan Công an, Quân đội biệt phái tham gia làm Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh để bảo đảm tính khách quan.

- Có ý kiến đề nghị kinh phí hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội nên độc lập, không chung với hoạt động của Văn phòng Quốc hội để các cơ quan này chủ động trong hoạt động. Đồng thời, biên chế các vụ chuyên môn phục vụ Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban cũng giao cho Hội đồng, các Ủy ban chịu trách nhiệm trực tiếp, không thuộc biên chế của Văn phòng Quốc hội.

- Có ý kiến đề nghị tăng số công chức phục vụ ở các cơ quan của Quốc hội để giúp Hội đồng và các Ủy ban tăng cường sự phản biện với các cơ quan của Chính phủ.

*c) Về việc giảm số lượng cấp phó và Ủy viên Thường trực tại Hội đồng, các Ủy ban của Quốc hội:*

- Có ý kiến tán thành chủ trương giảm số lượng cấp phó và Ủy viên Thường trực tại Hội đồng, Ủy ban của Quốc hội. Đề nghị giảm số lượng Ủy viên Thường trực để giảm kinh phí chi thường xuyên. Ý kiến khác đề nghị xem lại chủ trương tăng số ĐBQH chuyên trách nhưng giảm số lượng cấp phó và Ủy viên Thường trực tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội vì như vậy sẽ ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban.

- Có ý kiến đề nghị giữ nguyên số lượng cấp phó như hiện nay và từng bước tăng số lượng Ủy viên Thường trực. Căn cứ vào điều kiện tình hình thực tế, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ quyết định số lượng vị trí cấp phó cụ thể của từng cơ quan trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền về quản lý cán bộ trong từng nhiệm kỳ Quốc hội. Thực tế cho thấy, hoạt động của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội có tính đặc thù, khối lượng công việc ngày càng tăng với yêu cầu, đòi hỏi cao về chất lượng nên không thể giảm số lượng chuyên trách hoặc khoán theo mặt bằng chung như các cơ quan khác.

- Nhiều ý kiến tán thành quy định về việc khoán tổng số lượng cấp phó tại Hội đồng, các Ủy ban của Quốc hội là không quá 40 người như dự thảo Luật, nhưng đề nghị:

+ Bổ sung nguyên tắc để Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định số lượng cấp phó cụ thể đối với từng cơ quan căn cứ vào yêu cầu công việc. Quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền quyết định việc tăng, giảm số lượng cấp phó.

+ Quy định khung số lượng tối thiểu và tối đa cho các cơ quan để tránh việc áp dụng tùy tiện.

+ Nên tăng tổng số lượng cấp phó tại Hội đồng, Ủy ban nhiều hơn 40 người. Ý kiến khác lại đề nghị xác định số lượng ít hơn 40 người hoặc không quá 30 người.

- Có ý kiến đề nghị làm rõ cơ sở để quy định tổng số lượng cấp phó tại Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban là không quá 40 người.

- Một số ý kiến đề nghị không quy định cụ thể số lượng cấp phó của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban trong luật để bảo đảm sự linh hoạt theo từng thời kỳ.

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể số lượng cấp phó tại Hội đồng, các Ủy ban của Quốc hội để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tính công khai, minh bạch trong tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện. Ý kiến khác đề nghị quy định Hội đồng Dân tộc và Ủy ban của Quốc hội có không quá 4 hoặc 5 cấp phó và giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định số lượng cấp phó cụ thể của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

*d) Về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban (Điều 85):*

- Có ý kiến đề nghị sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 85 như sau: “Đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định số lượng, phê chuẩn danh sách, phê chuẩn việc cho thôi đối với Phó Chủ tịch, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên hoạt động chuyên trách và các Ủy viên khác của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban mà mình làm Chủ tịch, Chủ nhiệm”.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban có trách nhiệm phối hợp với Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội trong việc điều hành và phân công nhiệm vụ của các Vụ tham mưu, giúp việc để nâng cao hiệu quả hoạt động, đặc biệt là trong công tác nhân sự và kinh phí ngân sách.

- Có ý kiến đề nghị thay cụm từ “Chủ nhiệm Ủy ban” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban”; thay cụm từ “công tác nhất định” bằng cụm từ “một số lĩnh vực công tác”; bỏ cụm từ “phân công” để bảo đảm không hành chính hóa hoạt động của cơ quan dân cử.

*đ) Về phiên họp toàn thể của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội (khoản 1 Điều 87):*

- Có ý kiến đề nghị quy định linh hoạt về số lượng thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên toàn thể của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban để bảo đảm việc thông qua nghị quyết và tạo sự linh động cho đại biểu. Ý kiến khác đề nghị quy định tỷ lệ thành viên tham dự phiên họp phải đạt từ 70%.

- Có ý kiến đề nghị giữ quy định về phiên họp toàn thể của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội như quy định của Luật hiện hành, không quy định về tỷ lệ đại biểu tham dự các phiên họp của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ trách nhiệm và chế tài đối với thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khi không tham dự đầy đủ phiên họp của Hội đồng, Ủy ban.

- Có ý kiến đề nghị cần lượng hóa yêu cầu tỷ lệ tham dự các phiên họp toàn thể Hội đồng, Ủy ban của đại biểu là thành viên Hội đồng, Ủy ban; nếu vắng bao nhiêu % tổng số phiên họp của Hội đồng, Ủy ban thì tự nguyện xin thôi hoặc có chế tài cho thôi làm thành viên Hội đồng, Ủy ban.

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể trong Luật về thời gian gửi giấy mời và cung cấp tài liệu đối với phiên họp toàn thể của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban để bảo đảm việc nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến của đại biểu.

## **7. Về các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

- Có ý kiến đề nghị quy định về Ban Công tác đại biểu và Ban Dân nguyện trong Luật Tổ chức Quốc hội; có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về Ban Dân nguyện trong Luật. Ý kiến khác đề nghị xác định rõ vị trí, bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Viện Nghiên cứu lập pháp để cơ quan này trở thành một chủ thể có tiếng nói khoa học và độc lập trong quy trình xây dựng pháp luật.

- Nhiều ý kiến đề nghị nâng Ban Công tác đại biểu và Ban Dân nguyện thành cơ quan thuộc Quốc hội để khẳng định địa vị pháp lý của các cơ quan này trong Luật Tổ chức Quốc hội. Việc nâng cấp các Ban này không làm tăng biên chế, không tăng tổ chức mà phù hợp với tầm quan trọng và chức năng, nhiệm vụ do Quốc hội giao. Hiện nay, một số lĩnh vực còn đang bỏ ngỏ, chưa giao cho Ủy ban nào phụ trách, như bầu cử, giám sát, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các kiến nghị, phản ánh của nhân dân và cử tri, công tác giám sát hoạt động của cơ quan dân cử. Ý kiến khác cho rằng, việc nâng Ban Công tác đại biểu và Ban Dân nguyện thành cơ quan thuộc Quốc hội vào thời điểm hiện nay là chưa phù hợp với chủ trương của Đảng về tinh gọn tổ chức bộ máy, giảm biên chế, giảm chi thường xuyên. Hiện nay, hai cơ quan này đã rõ về chức năng, nhiệm vụ và đang hoạt động hiệu quả nên việc thuộc Quốc hội hay thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội không phải là vấn đề mấu chốt quan trọng. Việc nâng hai Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội lên thành cơ quan thuộc Quốc hội phải nghiên cứu kỹ vì còn phải bảo đảm sự linh hoạt và tính kịp thời trong hoạt động của các cơ quan này như khi thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Có ý kiến đề nghị nâng Ban Dân nguyện thành Ủy ban Giám sát của Quốc hội thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giám sát của Quốc hội, giám sát thực hiện, giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của cử tri, nhân dân. Ý kiến khác đề nghị nâng Ban Công tác đại biểu thành một Ủy ban thực hiện hai nhiệm vụ của Ban Công tác đại biểu và Ban Dân nguyện hiện nay.

- Có ý kiến đề nghị không nên bàn việc nâng Ban Công tác đại biểu và Ban Dân nguyện thành cơ quan thuộc Quốc hội bởi vấn đề này đã được thảo luận kỹ khi thông qua Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014. Quốc hội có 3 chức năng lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Tham mưu, giúp Quốc hội thực hiện các chức năng này đang được giao cho Hội đồng Dân tộc, 09 Ủy ban của Quốc hội thực hiện. Nếu nâng các Ban này lên thành Ủy ban của Quốc

hội thì phải chia lại nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực phụ trách của 10 cơ quan nói trên. Hiện nay, hai Ban này đang giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri, kiến nghị giải quyết vấn đề của cử tri và các nhiệm vụ liên quan đến công tác đại biểu nếu nâng thành Ban của Quốc hội thì phải giao cho các cơ quan này các nhiệm vụ riêng (hoặc tách từ nhiệm vụ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội). Hơn nữa, nếu các đơn thư gửi ĐBQH chuyển về một đầu mối xử lý thì cũng không phù hợp vì ĐBQH có nhiệm vụ là chuyển đơn theo quy định và giám sát việc thực hiện.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung Điều 99a quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân nguyện trong việc giải quyết đơn thư, giám sát, thẩm định, xây dựng pháp luật, khắc phục tình trạng chồng chéo, tạo thuận lợi cho việc theo dõi việc giải quyết đơn thư.

### **8. Về thời điểm thông qua và có hiệu lực thi hành Luật**

- Nhiều ý kiến tán thành thông qua dự án Luật tại kỳ họp này và quy định thời điểm có hiệu lực của Luật từ ngày 01/6/2021. Ý kiến khác đề nghị dự thảo Luật được Quốc hội thông qua là có hiệu lực ngay, không chờ đến năm 2021 hoặc có hiệu lực từ nhiệm kỳ Quốc hội XV hoặc Luật có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 để thực hiện cho nhiệm kỳ mới vì đây là thời điểm phải ban hành các văn bản hướng dẫn chuẩn bị cho các bước hiệp thương trong công tác bầu cử ĐBQH khóa XV, nếu lấy thời điểm là ngày 01/6/2021 thì sẽ không phù hợp vì vẫn phải thực hiện theo Luật Tổ chức Quốc hội hiện hành.

- Nhiều ý kiến cho rằng việc sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Quốc hội lần này có ý nghĩa rất quan trọng, nếu như những vấn đề bất cập đặt ra không được sửa đổi, bổ sung kịp thời thì sẽ phải chờ thời gian sửa luật để khắc phục. Vì vậy, đề nghị phải tính toán kỹ việc thông qua lần này hay là cần phải chuẩn bị kỹ thêm để sửa đổi vào thời điểm thích hợp nhằm giải quyết được tất cả những vấn đề bất cập hiện nay. Có rất nhiều bài học về việc thông qua luật trước đây cho thấy, mặc dù quyết tâm rất cao, làm rất nhanh nhưng khi luật đi vào cuộc sống mới phát sinh nhiều bất cập, vướng mắc. Do đó, đề nghị trình Quốc hội thông qua dự án Luật này tại kỳ họp sau (tháng 5/2020) theo trình tự xem xét, thông qua tại hai kỳ họp để có thêm thời gian nghiên cứu, tổng kết vì vẫn kịp thời triển khai thực hiện và phục vụ cho bầu cử của nhiệm kỳ tới. Ý kiến khác đề nghị thông qua vào tháng 10/2020.

- Có ý kiến đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện thí điểm họp nhất 3 Văn phòng, tổ chức hội thảo, hội nghị lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan, đặc biệt là các vị ĐBQH chuyên trách để có cơ sở sửa đổi, bổ sung các nội dung trong dự thảo Luật.

- Có ý kiến cho rằng khoảng thời gian từ thời điểm thông qua Luật cho đến lúc Luật có hiệu lực thi hành là quá dài, không hợp lý.

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, cân nhắc kỹ việc thông qua dự thảo luật tại 1 kỳ họp hay 2 kỳ họp.

### 9. Một số nội dung khác

- Có ý kiến cho rằng hồ sơ dự án luật đã được chuẩn bị rất nghiêm túc, có báo cáo tổng kết, báo cáo đánh giá tác động và các tài liệu liên quan đã xin ý kiến và tiếp thu ý kiến của các cơ quan, các chuyên gia, các nhà khoa học.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về Tổ ĐBQH như sau: "Tổ ĐBQH được tổ chức gồm một số Đoàn ĐBQH, nhóm ĐBQH thuộc Đoàn ĐBQH thành phố Hà Nội, nhóm ĐBQH thuộc Đoàn ĐBQH thành phố Hồ Chí Minh để thảo luận về các nội dung thuộc chương trình kỳ họp Quốc hội".

- Có ý kiến đề nghị sửa đổi Điều 28 theo hướng ĐBQH chuyên trách ở Trung ương khi nhận được những khiếu nại, tố cáo thì chuyển về Ban Dân nguyện, còn đại biểu kiêm nhiệm ở địa phương thì chuyển về Văn phòng Đoàn ĐBQH.

- Có ý kiến đề nghị sửa đổi Nghị quyết số 08/2002/NQ-QH11 về Quy chế hoạt động của ĐBQH và Đoàn ĐBQH.

- Có ý kiến đề nghị có hướng dẫn cụ thể về cơ cấu tổ chức Đảng trong Quốc hội để thuận lợi cho việc sinh hoạt của ĐBQH hoạt động chuyên trách ở trung ương.

- Có ý kiến đề nghị có một Pháp lệnh riêng quy định về các trường hợp biệt phái tại các cơ quan của Quốc hội từ các cơ quan của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để giải quyết mối quan hệ giữa Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban Quốc phòng, An ninh trong công tác cán bộ.

- Có ý kiến đề nghị cần tiếp thu, lắng nghe ý kiến của ĐBQH đặc biệt là ĐBQH chuyên trách.

- Có ý kiến cho rằng, để bảo đảm tính thống nhất trong các luật về tổ chức bộ máy, đề nghị cũng quy định khoản số lượng Thứ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong Luật Tổ chức Chính phủ nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng.

\*

\* \* \*

Trên đây là Báo cáo tổng hợp ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội trân trọng báo cáo./.

**TỔNG THƯ KÝ QUỐC HỘI**